

Số: **889** /TEDI-CBTT

Hà Nội, ngày **29** tháng 3 năm 2023

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
UBCK NHÀ NƯỚC, SỞ GD&ĐT HÀ NỘI VÀ CỦA DOANH NGHIỆP**

V/v: Báo cáo thường niên năm 2022

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội
- Các cổ đông Tổng công ty TVTK GTVT-CTCP

- Tên giao dịch: Tổng công ty Tư vấn thiết kế Giao thông vận tải-CTCP
- Mã chứng khoán: TED;
- Địa chỉ trụ sở chính: 278 Tôn Đức Thắng, P. Hàng Bột, Q. Đống Đa, TP Hà Nội
- Điện thoại: (84-4).38514431. Fax: (84-4).38514980. Email: tedi.ctdc@gmail.com.
- Website: www.tedi.vn
- Người thực hiện công bố thông tin: Ông Nguyễn Công Tâm.
- Chức vụ: Trưởng phòng Tổ chức cán bộ - Lao động.
- Loại thông tin công bố: 24h; 72h; Yêu cầu; Bất thường; Định kỳ

Nội dung công bố thông tin:

Báo cáo thường niên năm 2022.

(Nội dung chi tiết đính kèm)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS (b/c);
- TGD (b/c)
- Website TCT;
- Lưu Tổ CBTT./.

NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN



Nguyễn Công Tâm

Số: 856 BC/TEDI-HĐQT

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2023

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ GTVT - CTCP**

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

I. THÔNG TIN CHUNG.

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: Tổng công ty Tư vấn thiết kế Giao thông vận tải – CTCP
- Tên viết tắt: TEDI
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0100107839
- Vốn điều lệ: 125.000.000.000đ (*Một trăm hai mươi lăm tỷ đồng*)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 125.000.000.000đ (*Một trăm hai mươi lăm tỷ đồng*)
- Địa chỉ: Số 278, Tôn Đức Thắng, phường Hàng Bột, quận Đống Đa, TP Hà Nội
- Số điện thoại: (84-24) 38514431/32/33/34; Số Fax: (84-24) 38514980
- Website: www.tedi.vn
- Mã cổ phiếu: TED
- Quá trình hình thành và phát triển:

Tổng công ty Tư vấn thiết kế Giao thông vận tải - CTCP (TEDI) ngày nay, tiền thân là Viện Thiết kế được thành lập vào ngày 27/12/1962 theo Quyết định số 1478/QĐ của Bộ GTVT trên cơ sở hợp nhất Viện Thiết kế Thủy bộ và Viện Thiết kế Đường sắt. Trong suốt hơn nửa thế kỷ đã qua, tổ chức và phương thức hoạt động của Tổng công ty luôn có sự sắp xếp, thay đổi phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ của từng thời kỳ phát triển và tiến trình sắp xếp đổi mới doanh nghiệp của Nhà nước trong từng giai đoạn. Kể từ khi thành lập đến nay, Tổng Công ty TVTK GTVT đã có nhiều lần thay đổi về mô hình hoạt động và cơ cấu tổ chức, trong đó có thể phân ra 10 dấu mốc quan trọng.

- 1) Viện Thiết kế (1962 - 1974)
 - 2) Viện Thiết kế giao thông (1975 - 1981)
 - 3) Viện Thiết kế giao thông và Viện Khảo sát thiết kế đường thủy (1981 - 1982)
 - 4) Viện Thiết kế giao thông vận tải (1982 - 1991)
 - 5) Công ty Khảo sát thiết kế Giao thông vận tải (1991 - 1995)
 - 6) Tổng Công ty Tư vấn thiết kế Giao thông vận tải (1996 - 2002)
 - 7) Sáp nhập thêm các đơn vị thành viên mới (2003 - 2004)
 - 8) Cổ phần hoá các công ty thành viên, Tổng Công ty hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con (2004 - 2007)
 - 9) Công ty mẹ - Tổng Công ty Tư vấn thiết kế Giao thông vận tải (2007 - 2013)
 - 10) Tổng công ty Tư vấn thiết kế Giao thông vận tải - CTCP (từ 03/6/2014 đến nay).
- Những thành tích nổi bật:
 - 1) Danh hiệu Anh hùng Lao động năm 2013
 - 2) Huân chương Độc lập Hạng Nhất của CHDCND Lào năm 2015
 - 3) Huân chương Lao động Hạng Nhì của Hoàng gia Campuchia năm 2015

- 4) Huân chương Hồ Chí Minh năm 2007
- 5) Huân chương Độc lập Hạng Nhất năm 2002
- 6) Huân chương Độc lập Hạng Nhì năm 1997, 2007
- 7) Huân chương Độc lập Hạng Ba năm 1987
- 8) Huân chương Lao động hạng Nhất năm 1983, lần 2 năm 2013, lần 3 năm 2018
- 9) Huân chương Lao động hạng Ba năm 2022
- 10) Huân chương Lao động hạng Nhì cho tổ chức Công đoàn năm 2007
- 11) Các giải thưởng về khoa học công nghệ, công trình chất lượng, v.v...
- 12) Danh hiệu doanh nghiệp tiêu biểu Hội nhập và phát triển
- 13) Danh hiệu Doanh nghiệp tiêu biểu vì Người lao động các năm 2018-2022
- 14) Cúp Thăng Long năm 2022.

2. Ngành nghề và địa bàn hoạt động:

2.1 Ngành nghề kinh doanh:

- 1) *Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan - Mã ngành 7110 (chính)*
 - Thiết kế xây dựng công trình cầu, hầm, đường bộ.
 - Thiết kế công trình cảng - đường thủy.
 - Thiết kế công trình đường sắt, đường bộ.
 - Thiết kế hạ tầng kỹ thuật.
 - Tư vấn quy hoạch đô thị, thiết kế đô thị, thiết kế kiến trúc.
 - Thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp.
 - Khảo sát địa hình, Khảo sát địa chất công trình. Quan trắc lún, chuyển vị công trình.
 - Thiết kế địa kỹ thuật công trình xây dựng.
 - Khảo sát thủy văn môi trường.
 - Thiết kế lắp đặt hệ thống mạng thông tin liên lạc trong công trình xây dựng
 - Thiết kế cấp thoát nước công trình xây dựng.
 - Thiết kế phương tiện vận tải đường sắt.
 - Giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện công trình giao thông (đường bộ, đường sắt, cầu, hầm, đường thủy nội địa, hàng hải, hàng không).
 - Giám sát công tác khảo sát địa chất công trình.
 - Đầu tư, quản lý, kinh doanh khai thác các dự án giao thông, dân dụng và công nghiệp.
 - Tư vấn đầu tư, xây dựng và quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông, dân dụng, công nghiệp.
 - Tư vấn lập báo cáo kinh tế kỹ thuật, báo cáo đầu tư các dự án đầu tư xây dựng và đánh giá hiệu quả đầu tư các công trình giao thông, dân dụng, công nghiệp
 - Tư vấn đấu thầu, lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu tư vấn và xây lắp; lập tổng mức đầu tư, tổng dự toán và dự toán chi tiết các công trình giao thông, dân dụng, công nghiệp.
 - Tư vấn lập hồ sơ đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường; cam kết bảo vệ môi trường; phương án tổng thể giải phóng mặt bằng và tái định cư; kế hoạch quản lý môi trường; kế hoạch hành động tái định cư; báo cáo xã hội; báo cáo dân tộc thiểu số của các công trình giao thông, dân dụng, công nghiệp.
 - Tư vấn thẩm tra dự án đầu tư, dự án quy hoạch, thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, tổng dự toán các công trình giao thông, dân dụng, công nghiệp.

- Tư vấn đánh giá và chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực, chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng các công trình giao thông, dân dụng và công nghiệp.
- Tư vấn giám sát đầu tư, tư vấn giám sát nhà nước, tư vấn giám sát và quan trắc môi trường.
- Tư vấn quy hoạch, tư vấn lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, đề xuất dự án, báo cáo nghiên cứu khả thi, lập báo cáo đầu tư, báo cáo kinh tế kỹ thuật; khảo sát, thiết kế, giám sát kỹ thuật các công trình, giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện các dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông (đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, hàng hải, hàng không, cầu, hầm), nông nghiệp và phát triển nông thôn, dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật (công trình cấp nước, công trình thoát nước, công trình chiếu sáng công cộng, đường dây và trạm biến áp đến cấp điện áp 110 KV).
- Điều tra khả sát, dự báo giao thông, thiết kế tổ chức giao thông, an toàn giao thông.
- Thiết kế phòng cháy chữa cháy.
- Hoạt động đo đạc và bản đồ.

2) *Kiểm tra và phân tích kỹ thuật - Mã ngành 7120*

- Thí nghiệm vật liệu xây dựng và các chỉ tiêu về địa chất, thủy văn, môi trường các công trình giao thông, dân dụng, công nghiệp.
- Kiểm định chất lượng, thử tải các công trình giao thông, dân dụng và công nghiệp.

3) *Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác còn lại chưa được phân vào đâu – Mã ngành 7490*

- Khảo sát giao thông, phân tích và lập hồ sơ dự báo giao thông vận tải; khảo sát, lập hồ sơ đánh giá tác động môi trường các công trình giao thông, dân dụng, công nghiệp.
- Nghiên cứu ứng dụng, xây dựng thực nghiệm và đào tạo chuyển giao công nghệ mới các công trình giao thông, dân dụng, công nghiệp.

4) *Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sử hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê – Mã ngành 6810*

- Thuê nhà, công trình xây dựng để cho thuê lại.
- Đối với đất được nhà nước cho thuê thì được đầu tư xây dựng nhà ở để cho thuê; đầu tư xây dựng nhà, công trình xây dựng không phải là nhà ở để bán, cho thuê, cho thuê mua.
- Nhận chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản của chủ đầu tư để xây dựng nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho mua thuê.
- Đối với đất được nhà nước giao thì được đầu tư xây dựng nhà ở để bán, cho thuê, cho thuê mua.
- Đối với đất thuê trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu chất xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế thì được đầu tư xây dựng nhà, công trình xây dựng để kinh doanh theo đúng mục đích sử dụng đất

5) *Tư vấn môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất – Mã ngành 6820*

- Khai thác, quản lý, vận hành các dịch vụ phụ vụ tòa nhà, khu chung cư, công trình công nghiệp, dân dụng.

6) *In ấn – Mã ngành 1811*

- Đóng gói hồ sơ, tài liệu.

7) *Dịch vụ ăn uống khác – Mã ngành 5929*

- 8) *Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác – Mã ngành 4659*
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu: Kinh doanh thiết bị máy móc chuyên ngành phục vụ khảo sát thiết kế.
- 9) *Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu – Mã ngành 8299*
- Xuất khẩu: Cung cấp dịch vụ khảo sát thiết kế các dự án xây dựng hạ tầng giao thông vận tải, dân dụng, công nghiệp, nông nghiệp và phát triển nông thôn ... tại nước ngoài.
 - Nhập khẩu: Các phần mềm có bản quyền của nước ngoài phục vụ cho công tác khảo sát thiết kế.
- 10) *Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác – Mã ngành 4511*
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác loại mới và loại đã qua sử dụng
- 11) *Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống) – Mã ngành 4512*
- 12) *Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá tài sản) – Mã ngành 4513*
- 13) *Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác – Mã ngành 4520*
- Sửa chữa phần cơ, phần điện, hệ thống đánh lửa tự động.
 - Bảo dưỡng thông thường
 - Sửa chữa thân xe
 - Sửa chữa các bộ phận của ô tô
 - Rửa xe, đánh bóng, phun và sơn
 - Sửa tấm chắn và cửa sổ
 - Sửa ghế, đệm và nội thất ô tô
 - Sửa chữa, bơm vá săm, lốp ô tô, lắp đặt hoặc thay thế
 - Xử lý chống gỉ.
- 14) *Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá tài sản) – Mã ngành 4530*
- 15) *Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) – Mã ngành 4931*
- 16) *Vận tải hàng hóa bằng đường bộ – Mã ngành 4933*
- 17) *Khu bãi và lưu giữ hàng hóa – Mã ngành 5210*
- 18) *Dịch vụ lưu trú ngắn ngày – Mã ngành 5510*
- Kinh doanh khách sạn
- 19) *Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động – Mã ngành 5610*
- 20) *Cho thuê xe có động cơ – Mã ngành 7710*
- 21) *Đào tạo sơ cấp – Mã ngành 8531*
- Chi tiết:*
- Nghiệp vụ xây dựng cầu, đường bộ
 - Vẽ kỹ thuật trên máy vi tính
 - Công nghệ thông tin
 - Khảo sát địa chất công trình
 - Khoan thăm dò địa chất
 - Khảo sát địa hình
 - Trắc địa công trình.

22) Giáo dục khác chưa phân vào đâu – Mã ngành 8559

Chi tiết:

- Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng
- Huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động
- Đào tạo nghiệp vụ thiết kế công trình giao thông
- Đào tạo nghiệp vụ tư vấn giám sát xây dựng công trình giao thông
- Đào tạo chuyển giao công nghệ xây dựng công trình giao thông
- Đào tạo nghiệp vụ đấu thầu
- Đào tạo nghiệp vụ lập dự toán, đánh giá dự án đầu tư
- Đào tạo thí nghiệm viên đường bộ
- Dạy máy tính
- Dạy ngoại ngữ
- Đào tạo kỹ năng đàm thoại, kỹ năng nói trước công chúng
- Đào tạo kỹ năng quản lý, marketing, bán hàng
- Đào tạo kỹ năng phát triển cá nhân, phát triển bản thân.

2.2 Địa bàn kinh doanh: Trong phạm vi toàn quốc, chủ động tìm kiếm thị trường, khách hàng và giao kết hợp đồng với các đối tác trong và ngoài nước.

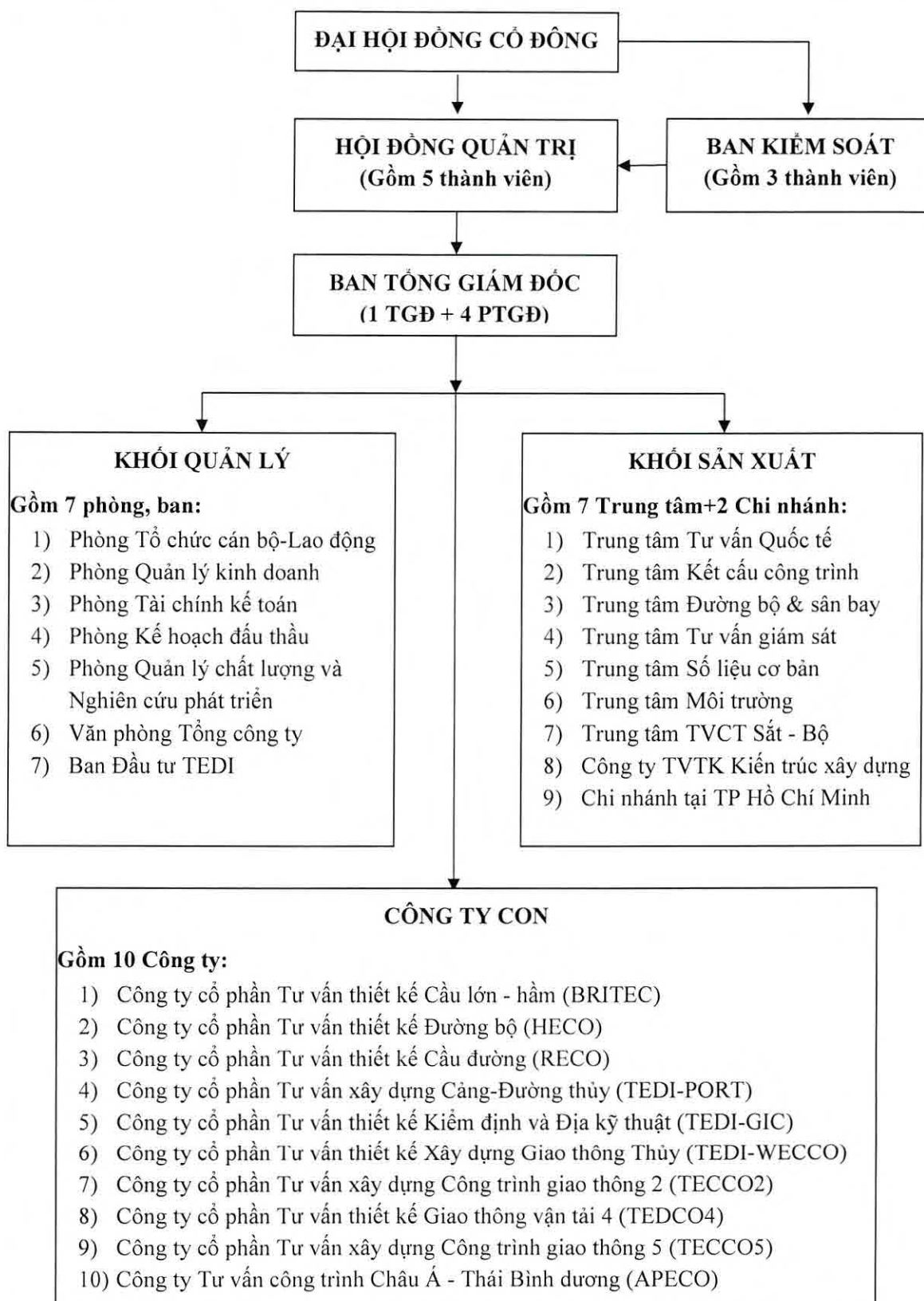
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

- Mô hình quản trị: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng giám đốc.
- Cơ cấu bộ máy quản lý: Ban Tổng giám đốc - 07 phòng quản lý - 07 Trung tâm sản xuất - 02 chi nhánh hạch toán phụ thuộc.
- Các công ty con: Hoạt động trong lĩnh vực tư vấn xây dựng

TT	Tên đơn vị	Địa chỉ	Vốn điều lệ (đồng)	Tỷ lệ nắm giữ
1	Công ty cổ phần Tư vấn thiết kế Cầu lớn - hầm	Số 278 Phố Tôn Đức Thắng, phường Hàng Bột, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.	18.000.000.000	51,00%
2	Công ty cổ phần Tư vấn thiết kế Đường bộ.	Số 278 Phố Tôn Đức Thắng, phường Hàng Bột, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội	18.000.000.000	51,00%
3	Công ty cổ phần Tư vấn thiết kế Cầu đường.	Số 278 Phố Tôn Đức Thắng, phường Hàng Bột, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội	10.000.000.000	50,96%
4	Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng Cảng - đường thủy	Số 278 Phố Tôn Đức Thắng, phường Hàng Bột, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội	14.000.000.000	51,00%
5	Công ty cổ phần Tư vấn thiết kế Kiểm định và Địa kỹ thuật	Số 278 Phố Tôn Đức Thắng, phường Hàng Bột, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội	10.580.000.000	66,66%
6	Công ty cổ phần Tư vấn thiết kế Xây dựng Giao thông Thủy	29/57 phố Khương Hạ, phường Khương Đình, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội	6.600.000.000	51,60%
7	Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng Công trình giao thông 2	Số 278 Phố Tôn Đức Thắng, phường Hàng Bột, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội	17.000.000.000	51,00%
8	Công ty cổ phần Tư vấn thiết kế Giao thông vận tải 4	số 2 đường Lê Ninh, thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An	7.000.000.000	51,00%

TT	Tên đơn vị	Địa chỉ	Vốn điều lệ (đồng)	Tỷ lệ nắm giữ
9	Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng Công trình giao thông 5	Số 229 đường Trường Chinh, phường An Khê, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng	16.500.000.000	51,00%
10	Công ty tư vấn công trình Châu Á - Thái Bình Dương	Phòng 301, tòa nhà D10 phường Giảng Võ, quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội	10.000.000.000	67,26%

Mô hình tổ chức:



4. Định hướng phát triển:

(1) **Sứ mệnh:** Khởi tạo giá trị bền vững của mỗi công trình xây dựng.

(2) **Tầm nhìn:** Giữ vững vị trí tư vấn xây dựng hàng đầu tại Việt Nam, vươn tầm khu vực và quốc tế.

(3) **Giá trị cốt lõi:** Độc lập - Sáng tạo - Trung thực - Trách nhiệm

(4) Quan điểm phát triển

- Tập trung phát triển ngành nghề truyền thống, mở rộng ngành nghề kinh doanh một cách hợp lý, đảm bảo hiệu quả.
- Phát triển kinh doanh gắn chặt với phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, ứng dụng sáng tạo công nghệ hiện đại, không ngừng cải tiến đổi mới phương thức quản trị doanh nghiệp.
- Lấy chất lượng sản phẩm và dịch vụ, tính chuyên nghiệp, đạo đức nghề nghiệp của kỹ sư tư vấn làm nền tảng phát triển, tạo nên sự khác biệt, độc đáo trong mỗi sản phẩm dịch vụ.
- Đẩy mạnh khai thác thị trường trong nước đi đôi với việc mở rộng quan hệ hợp tác, phát triển thị trường khu vực và quốc tế.
- Duy trì, phát triển văn hóa doanh nghiệp.

(5) Mục tiêu tổng quát.

TEDI là nhóm công ty tư vấn hoạt động đa ngành, trong đó Công ty mẹ là hạt nhân điều phối về chiến lược, công nghệ và vốn; tiếp tục phát triển bền vững, dẫn đầu trong thị trường tư vấn đầu tư, tư vấn xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông, xây dựng thương hiệu tư vấn mạnh về hạ tầng đô thị, công nghiệp, thủy lợi và môi trường.

5. Các rủi ro:

- Rủi ro về thị trường: Với xu hướng cạnh tranh ngày càng gay gắt, rủi ro về thị trường luôn được đánh giá ở mức độ rất cao. Để ngăn ngừa ảnh hưởng của rủi ro này đến sự giảm sút tốc độ tăng trưởng và phát triển bền vững của TEDI, Tổng công ty đang thực hiện mục tiêu chiến lược duy trì vị trí hàng đầu trong lĩnh vực tư vấn hạ tầng GTVT, dự báo thị trường, đánh giá đối thủ cạnh tranh, gia tăng lợi thế cạnh tranh của Tổng công ty thông qua chất lượng, tiến độ và làm tăng độ hài lòng của khách hàng.
- Rủi ro tài chính: Sự thay đổi chủ trương đầu tư vào cơ sở hạ tầng GTVT của Nhà nước, các địa phương, các nhà đầu tư PPP ảnh hưởng trực tiếp đến nguồn công việc và nguồn vốn kinh doanh của Tổng công ty. Giải pháp khắc phục là tận thu kinh phí, tăng cường công tác đối chiếu và thu hồi công nợ, trích lập dự phòng các khoản công nợ có độ rủi ro cao.
- Rủi ro về nguồn nhân lực: Nguồn lực chủ yếu của doanh nghiệp tư vấn là đội ngũ kỹ sư chuyên gia chủ nhiệm tổng thể, chủ nhiệm dự án, chủ trì hạng mục v.v... Rủi ro về nguồn nhân lực chính là sự chảy máu chất xám do dịch chuyển của thị trường lao động. Giải pháp khắc phục là hoàn thiện các chính sách đãi ngộ người lao động như tuyển dụng, tiền lương, tiền thưởng, đào tạo, thi đua khen thưởng, điều kiện phát triển năng lực chuyên môn, nghề nghiệp v.v...; xây dựng văn hóa doanh nghiệp đồng thuận, hướng tới người lao động; v.v... để duy trì và thu hút lao động có chất lượng cao, chuyên gia đầu ngành, tránh chảy máu chất xám.
- Rủi ro về môi trường: Các công trình GTVT gắn liền với môi trường và đời sống dân sinh. TEDI luôn đặt tiêu chí thiết kế đảm bảo tính bền vững của công trình, không ảnh hưởng đến môi trường và hoạt động sinh hoạt của dân cư khu vực ảnh hưởng. Mỗi công trình đều có kiến trúc riêng biệt sáng tạo, kết cấu đặc biệt, trở thành điểm nhấn kiến trúc, trung tâm thu hút du lịch trong khu vực.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2022:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

Kết quả năm 2022 của TEDI tăng trưởng vượt bậc, hoàn thành vượt mức trên 150% kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Một số chỉ tiêu tài chính hợp nhất chủ yếu như sau:

- Tổng giá trị tài sản: 1.335 tỷ đồng, đạt 148% kế hoạch năm.
- Tổng doanh thu: 1.469 tỷ đồng, đạt 154% kế hoạch năm.
- Lợi nhuận trước thuế: 114 tỷ đồng, đạt 154% kế hoạch năm.
- Lợi nhuận sau thuế: 91 tỷ đồng, đạt 152% kế hoạch năm.
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu: 5.027 đồng/CP, đạt 144% kế hoạch năm.
- Tổng mức đầu tư TSCĐ: 16 tỷ đồng, đạt 82% kế hoạch năm.

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chính được thể hiện trong bảng dưới đây:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Các chỉ tiêu	Số liệu hợp nhất			Số liệu công ty mẹ		
		KH 2022	TH 2022	Tỷ lệ %	KH 2022	TH 2022	Tỷ lệ %
1	Tổng giá trị tài sản	900.000	1.334.647	148,3	445.000	619.606	139,2
2	Tổng doanh thu	955.000	1.468.794	153,8	425.000	594.041	139,8
3	LNTT	74.220	114.265	154,0	39.500	50.539	127,9
4	LNST	59.610	90.611	152,0	33.460	42.519	127,1
4.1	- Công ty mẹ	42.505	63.055	148,3	33.460	42.519	127,1
4.2	- CD khác	17.105	27.557	161,1	-	-	-
5	LCB/CP	3.500	5.027	143,6	x	x	x
6	Đầu tư TSCĐ	19.434	15.889	81,8	8.104	8.219	101,4

- Sản phẩm:
 - + Tham gia dự thầu 445 gói thầu, trong đó bao gồm 204 gói theo hình thức chỉ định thầu (chiếm 46%), 241 gói theo hình thức đấu thầu cạnh tranh (chiếm 54%). Trong hình thức đấu thầu cạnh tranh, tỷ lệ trúng thầu đạt 92%, trượt thầu 4%, đang đợi kết quả 4%. Tỷ lệ đấu thầu qua mạng chiếm 92% trên tổng số lượng các gói thầu đấu thầu cạnh tranh.
 - + Ký kết 498 hợp đồng và phụ lục hợp đồng với tổng giá trị là 2.705 tỷ đồng, bằng 190% năm 2021 (1.420 tỷ đồng).
 - + Cơ cấu theo ngành nghề năm 2022 có sự thay đổi đột biến: Ngành đường bộ chiếm tỷ trọng lớn nhất với 80,6% (năm 2021: 58,7%), Ngành TVGS chiếm tỷ trọng thứ hai với 8,2% (năm 2021: 26,2%); Cảng-đường thủy chiếm tỷ trọng thứ 3 khoảng 4,3% (năm 2021: 6,3%); Hàng không 2% (năm 2021: 4,8%); Đường sắt: 1,1% (năm 2021: 0,2%).
 - + Cơ cấu theo nguồn vốn cũng thay đổi lớn: Có sự tăng đột biến của NSTW chiếm tới 59,2% (năm 2021: 24,2%); NSDP: 32,8% (năm 2021: 37%); các nguồn vốn khác chiếm tỷ trọng không đáng kể chỉ còn khoảng 7,3%. Nguồn vốn ODA sụt giảm mạnh, chỉ chiếm 0,4% (năm 2021: 14%); nguồn vốn PPP chiếm 2,4% (năm 2021: 20,5%)..
- Thị trường:

Công tác marketing, phát triển thị trường tập trung chủ yếu vào các dự án trọng điểm quốc gia, nằm trong kế hoạch đầu tư công của Chính phủ và các tỉnh, thành phố.

Ngoài lĩnh vực Đường bộ phát triển mạnh nhất, TEDI cũng phát triển các lĩnh vực khác.

- + Về lĩnh vực hàng không: khẳng định bền vững hơn thông qua việc xúc tiến và tham gia dự thầu và ký kết hợp đồng của một số gói thầu, đặc biệt là gói thầu TKKT công trình Hệ thống giao thông kết nối tuyến số 1 và tuyến số 2 Thành phần 3 - Các công trình thiết yếu trong Cảng hàng không - Thuộc dự án Đầu tư xây dựng Cảng HKQT Long Thành giai đoạn 1.
- + Về lĩnh vực Đường sắt: ghi nhận sự phát triển ổn định của mảng đường sắt. Tổng công ty đã ký hợp đồng thực hiện lập báo cáo NCTKT Dự án đường sắt Thủ Thiêm - Long Thành; Lập báo cáo NCTKT tuyến đường sắt Ngọc Hồi-Lạc Đạo; Khảo sát, lập TKBVTC Dự án Cải tạo, nâng cấp đoạn Vinh - Nha Trang.
- + Về lĩnh vực Cảng-đường thủy: ngoài các dự án đang tiếp cận và thương thảo hợp đồng, Tổng công ty đã phối hợp với TEDI-PORT và TEDI-WECCO tổ chức triển khai thực hiện 08 dự án tại các tỉnh Yên Bái, Quảng Ninh, Hà Tĩnh, Quảng Trị, Quảng Ngãi, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Kiên Giang.
- + Về lĩnh vực Tư vấn giám sát: có những bước đi vững chắc và tìm kiếm được các thị trường mới tại các địa phương như Thái Nguyên, Hà Tĩnh; Dự án đường bộ cao tốc Bắc Nam phía đông, giai đoạn 2021 - 2025 tham gia 6/12 các DATP, gồm: Bãi Vọt – Hàm Nghi; Vũng Áng-Bùng; Vạn Ninh-Cam Lộ; Chí Thanh-Vân Phong; Vân Phong-Nha Trang; Hậu Giang-Cà Mau. Các dự án ODA như Phát triển tổng hợp các đô thị động lực - Tiểu dự án đô thị Tĩnh Gia - Thanh Hóa; Dự án kết nối đất liền và hạ tầng trên biển giai đoạn 1 tại quốc đảo Solomon (liên danh với tư vấn KEI) đang triển khai thuận lợi.
- + Về lĩnh vực môi trường: Một số gói thầu tiêu biểu đã trúng thầu và ký kết hợp đồng có thể kể đến: quan trắc và giám sát môi trường Dự án ĐTXD đường Hồ Chí Minh đoạn tránh phía Đông TP. Buon Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk; Khảo sát, lập báo cáo ĐTM Đường nối đường HCM nhánh Đông với đường HCM nhánh Tây, tỉnh Quảng Trị, đường Vành đai 3 – TPHCM, v.v...
- + Về thị trường nước ngoài: Năm 2022 sau khi Việt Nam mở cửa hoàn toàn sau đại dịch, TEDI đã đón nhiều các đoàn khách là các Tư vấn, các nhà đầu tư đến tìm hiểu thị trường Việt Nam. TEDI hiện đang là cầu nối giữa Nhà đầu tư Lào và Bộ GTVT Việt Nam để triển khai một số dự án đường sắt kết nối giữa Lào và Việt Nam. Trong thời gian ở thăm Việt Nam, ngày 28/12/2022, Bộ trưởng Bộ Công Chính và Vận tải Lào đã thăm và kiểm tra hướng tuyến đường cao tốc Hà Nội – Vinh Chấn nhấn mạnh sẽ báo cáo Chính phủ Lào sớm thúc đẩy triển khai dự án và mong muốn TEDI sẽ tham gia thực hiện.

2. Tổ chức và nhân sự:

- Danh sách Ban điều hành:

TT	Họ và tên	Tóm tắt lý lịch	Số CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu CP
1	Phạm Hữu Sơn	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc TEDI. Tốt nghiệp Thạc sỹ Công trình Giao thông tại Việt Nam. Có trên 30 năm kinh nghiệm trong thiết kế công trình cầu, hầm. Được bổ nhiệm là Tổng giám đốc TEDI năm 2007, là một trong những chuyên gia đầu ngành cầu - hầm của Việt Nam. Năm 2015 được vinh danh trong Top 10 doanh nhân tiêu biểu của Việt Nam.	1.062.350	8,499%

TT	Họ và tên	Tóm tắt lý lịch	Số CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu CP
2	Đỗ Minh Dũng	Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc TEDI. Tốt nghiệp Thạc sỹ Cầu - Hầm tại Việt Nam; có trên 25 năm kinh nghiệm trong thiết kế các công trình cầu, hầm, trải qua nhiều vị trí chủ chốt của TEDI trước khi được bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc năm 2010; là một trong những chuyên gia đầu ngành cầu – hầm của Việt Nam.	166.940	1,336%
3	Đào Ngọc Vinh	Phó Tổng giám đốc TEDI; Thạc sỹ xây dựng cầu đường; Có trên 20 năm kinh nghiệm trong thiết kế các công trình cầu, hầm; trải qua nhiều vị trí chủ chốt của TEDI trước khi được bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc tháng 10/2017;	125.000	1,000%
4	Nguyễn Mạnh Hà	Phó Tổng giám đốc TEDI từ 01/10/2018. Thạc sỹ công trình giao thông. Có trên 20 năm kinh nghiệm trong thiết kế các công trình đường đường bộ.	25.000	0,200%
5	Bùi Trần Long	Phó Tổng giám đốc TEDI từ 01/10/2021. Kỹ sư cầu. Có trên 20 năm kinh nghiệm trong thiết kế các công trình cầu hầm đường bộ.	-	-
6	Tăng Thị Thu Hiền	Kế toán trưởng TEDI. Cử nhân Kế toán. Thạc sỹ Quản trị kinh doanh. Có trên 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, kế toán. Được bổ nhiệm kế toán trưởng TEDI từ 01/10/2022.	36.000	0,288%

- Những thay đổi trong Ban điều hành: Ông Trương Minh Sơn miễn nhiệm chức danh Kế toán trưởng từ ngày 01/10/2022 và bà Tăng Thị Thu Hiền được bổ nhiệm Kế toán trưởng từ ngày 01/10/2022.
- Số lượng cán bộ, nhân viên: Tổng số lao động thời điểm 31/12/2022 là 1.643 người, trong đó nữ 337 người, chiếm 20,5%.
 - + Cơ cấu: Lao động quản lý, phục vụ chiếm 19,2%; lao động sản xuất chiếm 80,8%; Lao động có trình độ đại học trở lên chiếm 87,6%, trong đó Thạc sỹ - Tiến sỹ chiếm 11,0% tổng số lao động; 28,5% tổng số lao động đảm nhận chức danh từ chủ trì hạng mục khảo sát, thiết kế trở lên.
 - + Chuyên ngành được đào tạo nhiều nhất là Cầu đường, tiếp theo là các chuyên ngành: Xây dựng giao thông, Địa chất Công trình, Trắc Địa...
 - + Tổng số chứng chỉ hành nghề tư vấn các chuyên ngành là 958 chứng chỉ, gồm 529 chứng chỉ hạng I, 250 hạng II và 179 hạng III.
- Biến động nhân lực: Tuyển dụng: 248 người; thôi việc: 215 người; Nghỉ hưu: 09 người. Tổng nhân lực tăng: 24 người.
- Công tác bổ nhiệm: Tổng số cán bộ là 317 người, trong đó bổ nhiệm mới 53 người, giảm 12 người (nghỉ hưu, thôi việc).
- Công tác nâng lương, chuyển chức danh: 481 người được nâng lương, nâng bậc và chuyển chức danh.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

- a) Các khoản đầu tư lớn:

- Đầu tư XDCCB: Chỉnh trang khuôn viên trụ sở trụ sở Tổng công ty.
- Đầu tư mua sắm TSCĐ: Tổng mức đầu tư TSCĐ là 15,889 tỷ đồng, trong đó nhà cửa vật kiến trúc: 0,208 tỷ, máy móc thiết bị: 5,622 tỷ, phương tiện vận tải: 5,202 tỷ, thiết bị dụng cụ quản lý: 2,189 và phần mềm: 2,666 tỷ.

b) Các công ty con, công ty liên kết:

- Đầu tư vào công ty con: Số công ty con thời điểm 31/12/2022 là 10 công ty.
- Hiệu quả đầu tư vốn vào công ty con: Kết quả SXKD năm 2022 của các công ty con đều có lãi, bảo toàn vốn đầu tư.

Tổng số vốn đầu tư vào 10 công ty con là 68,435 tỷ đồng thời điểm 31/12/2022, tăng 7,356 tỷ đồng so với đầu năm do 05 Công ty con tăng vốn điều lệ gồm BRITEC (18 tỷ đồng); HECO (18 tỷ đồng); TEDI-PORT (14 tỷ đồng); RECO (10 tỷ) và APECO (10 tỷ đồng) nên vốn đầu tư của TEDI tăng tương ứng.

Tổng cổ tức và lợi nhuận được chia năm 2021 là 16,670 tỷ, bằng 24,3% vốn đầu tư thời điểm 31/12/2022 trong đó trả bằng tiền và ghi nhận doanh thu tài chính và lợi nhuận sau thuế năm 2022 là 9,314 tỷ đồng, bằng 13,7% vốn đầu tư thời điểm 31/12/2022.

Theo phương án phân phối lợi nhuận sau thuế của các công ty con trình ĐHĐCĐ thông qua tại cuộc họp thường niên năm 2023, cổ tức năm 2022 các công ty con phải trả Công ty mẹ là 19,151 tỷ đồng, đạt 28% vốn đầu tư vào công ty con.

4. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài chính:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu tài chính	Năm 2021	Năm 2022	Tỷ lệ %
Tổng giá trị tài sản	1.003.249	1.334.647	133
Doanh thu thuần	946.846	1.461.564	154
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	75.605	115.555	153
Lợi nhuận khác	(1.121)	(1.290)	x
Lợi nhuận trước thuế	74.484	114.265	153
Lợi nhuận sau thuế	60.111	90.611	151

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu tài chính	Năm 2021	Năm 2022	Tỷ lệ %
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	1,28	1,23	96%
- Hệ số thanh toán nhanh (Tài sản ngắn hạn – hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	0,85	0,88	103%
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn:			
- Hệ số nợ / Tổng tài sản	0,72	0,76	105%
- Hệ số nợ / Vốn chủ sở hữu	2,63	3,16	120%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động:			
- Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/ Hàng tồn kho)	2,34	3,13	134%
- Vòng quay tổng tài sản (Doanh thu thuần/ Tổng tài sản bình quân)	1,00	0,96	96%

Chỉ tiêu tài chính	Năm 2021	Năm 2022	Tỷ lệ %
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời:			
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	6,3%	6,2%	98%
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	21,8%	28,3%	130%
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	6,0%	6,8%	113%
- Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	8,0%	7,9%	99%

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần: 12.500.000
- Loại cổ phần đang lưu hành: Phổ thông
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 12.500.000 (100%)

b) Cơ cấu cổ đông:

- Cơ cấu cổ đông thời điểm 31/12/2022 như sau:

TT	Diễn giải	Đầu năm		Cuối năm	
		Tỷ lệ sở hữu %	Số cổ phần sở hữu (CP)	Tỷ lệ sở hữu %	Số cổ phần sở hữu (CP)
I.	Cổ đông tổ chức	64,784	8.097.960	64,784	8.097.960
1	Công ty OCG (Nhật Bản)	34,135	4.266.910	34,135	4.266.910
2	Công ty MHC	30,113	3.764.050		
3	Quỹ Đầu tư Đò (R1F)			30,113	3.764.050
4	Công đoàn TEDI	0,280	35.000	0,280	35.000
5	Công ty TVP (Nhật Bản)	0,256	32.000	0,256	32.000
II.	Cổ đông cá nhân	35,216	4.402.040	35,216	4.402.040
1	Ô. Phạm Hữu Sơn	8,499	1.062.350	8,499	1.062.350
2	Cổ đông khác	26,717	3.339.690	26,717	3.339.690
	Cộng	100,000	12.500.000	100,000	12.500.000

- Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn điều lệ thời điểm 31/12/2022:

TT	Tên cổ đông	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số cổ phần sở hữu (CP)
1	Công ty OCG (Nhật Bản)	34,135	4.266.910
2	Quỹ Đầu tư Đò (R1F)	30,113	3.764.050
3	Ông Phạm Hữu Sơn	8,499	1.062.350
	Cộng	72,747	9.093.310

- Các biến động cổ đông lớn trong năm 2022: Công ty CP Đầu tư MHC (MHCI) đã chuyển nhượng toàn bộ cổ phần cho Quỹ Đầu tư đò (R1F). R1F trở thành cổ đông lớn của TEDI.

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của Chủ sở hữu:

- Chào bán cổ phần ra công chúng: Không
- Chào bán cổ phần riêng lẻ: Không
- Chuyển đổi trái phiếu: Không
- Chuyển đổi chứng quyền: Không
- Phát hành cổ phiếu thưởng: Không
- Trả cổ tức bằng cổ phiếu: Không

d) *Giao dịch cổ phiếu quỹ:* Không

e) *Các chứng khoán khác:* Không

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Tổng công ty:

6.1 Tác động lên môi trường (GHG) trực tiếp và gián tiếp:

- Tác động lên môi trường của Tổng công ty là hoạt động của máy điều hòa không khí tại các phòng làm việc.
- Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu thải khí nhà kính: Chỉ sử dụng máy điều hòa không khí khi nhiệt độ trên 30⁰C để tiết kiệm điện và giảm thiểu thải khí nhà kính.

6.2 Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

- Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của Tổng công ty trong năm: 142,551 tỷ đồng.
- Báo cáo tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ của Tổng công ty: Không

6.3 Tiêu thụ năng lượng:

- Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: 1.963.372 số điện.
- Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả:
- Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này: Hạn chế tối đa sử dụng các thiết bị điện, vừa tiết kiệm năng lượng vừa tiết kiệm chi phí.

6.4 Tiêu thụ nước: (Mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

- Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: 19.274 m³ nước sạch
- Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không

6.5 Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không
- Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

6.6 Chính sách liên quan đến người lao động:

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

- Số lượng lao động: 1.643 người
- Mức thu nhập bình quân: 22,191 triệu đồng/tháng/người

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

- Chi cho bảo hộ lao động, trang phục công sở theo quy định 5 triệu/người; tổ chức học an toàn lao động hàng năm cho người lao động tại hiện trường và tổ chức nghỉ mát hàng năm, tặng quà sinh nhật, thưởng danh hiệu thi đua và thưởng năng suất, thành tích đột xuất cho Người lao động với tổng số chi quỹ khen thưởng phúc lợi là 15,088 tỷ đồng.
- Đời sống vật chất, tinh thần của người lao động luôn được quan tâm. Phối hợp chặt chẽ với tổ chức công đoàn, đoàn thanh niên tổ chức nhiều hoạt động để chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của người lao động như: thăm hỏi, hiếu hỷ, tặng quà sinh nhật, giải quyết chế độ trợ cấp khó khăn; tham gia các hoạt động phong trào do địa phương, ngành tổ chức; tổ chức Hội khỏe truyền thống TEDI; các hoạt động của lao

động nữ nhân các ngày kỷ niệm 8/3, 28/6 và 20/10 trong phong trào phụ nữ “Giải việc nước, đảm việc nhà”; hoạt động của Đoàn thanh niên, v.v.....

Thông qua các hoạt động này, Người lao động có cơ hội giao lưu, tái tạo sức lao động, tạo nét đẹp văn hóa doanh nghiệp của TEDI, gắn kết người lao động với doanh nghiệp hơn.

c) Hoạt động đào tạo người lao động: 1.022 lượt người được tham gia các khóa đào tạo do Tổng công ty tổ chức, trong đó dài hạn 4 người (thạc sỹ) và ngắn hạn là 1.018 lượt người tham gia các khóa đào tạo về tập huấn nâng cao trình độ quản lý, chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng mềm, cập nhật chính sách mới, huấn luyện an toàn vệ sinh lao động, tham quan học tập.

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên: 02 ngày/người. Chủ yếu áp dụng hình thức tự đào tạo.
- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp: Đào tạo tại chỗ qua công việc với quy trình đào tạo cụ thể: 5 năm đầu đào tạo kỹ sư hỗ trợ thiết kế; sau 5 năm có khả năng chủ trì được hạng mục khảo sát thiết kế, sau 10 năm có thể đảm nhiệm chức danh chủ nhiệm dự án; đào tạo qua tham quan học tập các công trình đang thi công trong nước và nước ngoài; đào tạo ngắn hạn về các kỹ năng thuyết trình, kỹ năng lập báo cáo, cập nhật quy trình quy phạm thiết kế, chính sách của Nhà nước liên quan đến xây dựng cơ bản, v.v...; hỗ trợ tới 20% tiền lương chức danh hàng tháng để người lao động tự đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, ngoại ngữ, tin học, v.v...

6.7 Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

Tổng công ty luôn thực hiện tốt chính sách xã hội, từ thiện. Tổ chức các hoạt động như hiến máu nhân đạo, tặng sổ tiết kiệm cho các gia đình chính sách, trao học bổng cho sinh viên các trường Đại học Xây dựng Hà Nội, Đại học Giao thông vận tải, Đại học Công nghệ Giao thông vận tải; hỗ trợ công tác quân sự, dân quân tự vệ, hoạt động văn hóa thể thao của địa phương, v.v...

6.8 Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UB CKNN:

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Năm 2022, nhờ chính sách đầu tư công quyết liệt của Chính phủ cho hạ tầng giao thông vận tải, nhiều dự án trọng điểm quốc gia được triển khai thực hiện, đặc biệt là dự án đường bộ cao tốc Bắc – Nam giai đoạn 2, đồng thời với sự chủ động linh hoạt của Ban điều hành, kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 có sự tăng trưởng vượt bậc, gấp trên 1,5 lần kết quả thực hiện năm 2021.

Ban Tổng giám đốc đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị giao; toàn hệ thống có sự chuyển biến tích cực về quản trị doanh nghiệp, hệ thống quy chế quy định nội bộ tại các công ty con được hoàn thiện thống nhất với Tổng công ty, công tác tái cơ cấu tổ chức và nguồn lực đạt được kết quả khả quan.

Lĩnh vực kinh doanh chính, cung cấp dịch vụ tư vấn khảo sát thiết kế công trình cơ sở hạ tầng GTVT, tiếp tục đạt được mức tăng trưởng khả quan trong điều kiện cạnh tranh ngày càng gay gắt với việc (1) duy trì mối quan hệ bền chặt với các khách hàng truyền thống từ Bộ GTVT tới các Sở GTVT tỉnh/ thành phố (2) mở rộng mối quan hệ với các tập đoàn kinh tế lớn, Nhà đầu tư tư nhân; (3) mở rộng thị trường nước ngoài và thị trường ODA, triển khai hợp đồng tư vấn giám sát với Quốc đảo Solomon; (4) xây dựng và phát

triển ngành đường sắt, sân bay, điện gió, điện mặt trời, hạ tầng cơ sở khu công nghiệp, đô thị, v.v..

Trên cơ sở đó, Ban Tổng giám đốc có những đánh giá cụ thể về hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 để làm căn cứ xây dựng kế hoạch kinh doanh năm 2023 như sau:

- Tổng giá trị tài sản: 1.335 tỷ đồng, đạt 148% kế hoạch năm.
- Tổng doanh thu: 1.469 tỷ đồng, đạt 154% kế hoạch năm.
- Lợi nhuận trước thuế: 114 tỷ đồng, đạt 154% kế hoạch năm.
- Lợi nhuận sau thuế: 91 tỷ đồng, đạt 152% kế hoạch năm
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu: 5.027 đồng/CP, đạt 144% kế hoạch năm
- Tổng mức đầu tư TSCĐ: 16 tỷ đồng, đạt 82% kế hoạch năm.
- Tổng chi phí phát sinh trong năm 2022 là 1.397 tỷ đồng. Chi phí SXKD dở dang cuối kỳ là 361 tỷ đồng.

- Nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp: Tổng công ty thực hiện kê khai, nộp, quyết toán các loại thuế GTGT, TNDN, TNCN, tiền thuê đất, v.v... đầy đủ, kịp thời; không nợ BHXH, BHYT, BHTN.

Tổng phát sinh phải nộp NSNN năm 2022 là 130,381 tỷ đồng; tổng số tiền đã nộp NSNN năm 2022 là 126,315 tỷ đồng. Số còn phải nộp thời điểm 31/12/2022 là 19,863 tỷ đồng.

Tổng số tiền BHXH, BHYT, BHTN phải nộp là 32,674 tỷ đồng và đã được nộp đầy đủ theo quy định.

- 10 thành tựu nổi bật đạt được trong năm 2022:
 - 1) Doanh thu hợp nhất đạt 1.469 tỷ đồng, lần đầu tiên vượt mốc 1.000 tỷ đồng.
 - 2) Đấu thầu quốc tế thành công và đang thực hiện Dự án tại quần đảo Solomon; Các Hợp đồng Dự án có nguồn vốn nước ngoài tiếp tục tăng trưởng.
 - 3) Hoàn thành lập BCNCTKT để Quốc hội thông qua và BCNCKT, TKKT các Dự án thành phần thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025, đảm bảo chất lượng và tiến độ yêu cầu.
 - 4) Thực hiện các Dự án quan trọng Quốc gia thuộc gói kích cầu phát triển kinh tế xã hội đã được Quốc hội thông qua chủ trương đầu tư (Vành đai 4 Hà Nội, Vành đai 3 TP Hồ Chí Minh, Cao tốc Khánh Hòa-Buôn Mê Thuật, Cao tốc Biên Hòa-Vũng Tàu, Cao tốc Hòa Bình-Mộc Châu...).
 - 5) Ứng dụng mạnh mẽ khoa học công nghệ vào công tác khảo sát thiết kế: TEDI là tư vấn giao thông đầu tiên đầu tư thiết bị và ứng dụng công nghệ quét LiDAR phục vụ cho công tác lập mô hình số địa hình và bản đồ không gian 3D phục vụ công tác thiết kế theo mô hình BIM; Tổ chức thành công cuộc thi “Đồ án xuất sắc, ý tưởng sáng tạo năm 2022” và Hội thảo KHCN “Ứng dụng BIM trong thiết kế và xây dựng công trình giao thông”. Áp dụng thành công phần mềm FAST Online để thống nhất chính sách kế toán và quản lý hợp đồng trong Nhóm công ty TEDI.
 - 6) 06 Dự án do TEDI thực hiện đạt Giải thưởng Chất lượng thiết kế công trình xây dựng VECAS AWARD 2021 (01 giải Nhất, 03 giải Nhì và 02 giải Ba); 21 Kỹ sư TEDI được Tổng LĐLĐ Việt Nam tặng Bằng Lao động sáng tạo.
 - 7) Tổ chức thành công các hoạt động khoa học công nghệ, văn hóa thể thao và Lễ kỷ niệm 60 năm ngày thành lập Tổng công ty Tư vấn thiết kế Giao thông vận tải-CTCP (27/12/1962-27/12/2022).

- 8) Cổ phiếu TEDI được đăng ký lưu ký và giao dịch trên sàn chứng khoán Upcom từ ngày 10/5/2022.
- 9) Tổ chức nhiều hoạt động hướng về Người lao động: Chính trang toàn diện trụ sở làm việc TEDI, chế độ lương thưởng Người lao động tăng rõ rệt (thu nhập bình quân tăng 153% so với năm 2021, hỗ trợ kịp thời NLD và người thân mắc Covid-19. Năm thứ 4 liên tiếp, TEDI được vinh danh “Doanh nghiệp tiêu biểu vì Người lao động”.
- 10) Hệ thống chính trị TEDI đã phát huy tốt vai trò phối hợp trong mọi mặt hoạt động của Tổng công ty. TEDI được Chủ tịch nước tặng Huân chương lao động hạng Ba, UBND thành phố Hà Nội tặng Cúp Thăng Long.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản:

- Cơ cấu tài sản: Tổng giá trị tài sản thời điểm 31/12/2022 là 1.334,647 tỷ đồng, trong đó tài sản ngắn hạn 1.246,418 tỷ đồng, chiếm 93% tổng giá trị tài sản, tài sản dài hạn 88,229 tỷ đồng chiếm 7% tổng giá trị tài sản.
 - + Cơ cấu tài sản ngắn hạn: (i) Phải thu ngắn hạn 651 tỷ đồng, chiếm 52,2%; (ii) hàng tồn kho 357 tỷ đồng, chiếm 28,6%; (iii) tiền và tương đương tiền 190 tỷ đồng, chiếm 15,2% tài sản ngắn hạn.
 - + Tài sản dài hạn: (i) Giá trị còn lại của TSCĐ là 73 tỷ, chiếm 83% tài sản dài hạn; tài sản dài hạn khác là 15 tỷ đồng, chiếm 17% tài sản dài hạn.

b) Tình hình nợ phải trả:

- Nợ phải trả đến thời điểm 31/12/2022 là 1.014 tỷ đồng, bằng 76% tổng nguồn vốn. Cơ cấu: (i) Nợ ngắn hạn: 1.011 tỷ đồng (99,7%); (ii) Nợ dài hạn: 3 tỷ (0,3%).
- Vốn chủ sở hữu thời điểm 31/12/2022 là 320,6 tỷ đồng, bằng 24% tổng nguồn vốn. Cơ cấu: (i) Vốn góp của CSH: 9%; Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối: 26%; (iii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát: 29% vốn chủ sở hữu.
- Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu là 3,16 lần.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

- Về cơ cấu tổ chức: Các đơn vị thực hiện tái cơ cấu tổ chức thông qua việc tinh giản biên chế, tổ chức lại các đơn vị sản xuất và các phòng quản lý đảm bảo gọn nhẹ, hoạt động hiệu quả, tránh chồng chéo.
- Về chính sách: Các đơn vị đã rà soát toàn diện lại hệ thống kiểm soát nội bộ, cập nhật bổ sung các quy chế quy định, trong đó tập trung vào sửa đổi Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát tuân thủ Luật Doanh nghiệp năm 2020; cập nhật bổ sung Quy chế tiền lương - tiền thưởng, Quy chế khoán sản phẩm, Quy chế quản lý tài chính, Thỏa ước lao động tập thể, Nội quy lao động, Quy chế Thi đua - Khen thưởng,... nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản trị doanh nghiệp.
- Về quản lý: Tổng công ty tăng cường công tác giám sát vốn đầu tư vào doanh nghiệp khác thông qua việc cử Người đại diện phần vốn và Kiểm soát viên của Tổng công ty tham gia và giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT, Trưởng ban kiểm soát, Ban Điều hành các công ty con.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

a) Công tác sản xuất kinh doanh

Thực hiện chiến lược sản xuất kinh doanh giai đoạn 2017-2026 và kế hoạch sản xuất kinh doanh 5 năm 2019-2023 đã được ĐHĐCĐ thông qua, Tổng công ty phấn đấu hoàn

thành và hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

- Tổng doanh thu hợp nhất:	1.200,000 tỷ đồng
- Lợi nhuận thực hiện trước thuế hợp nhất:	87,427 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế hợp nhất:	69,738 tỷ đồng
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu (LNST/CP lưu hành):	4.250 đồng/CP
- Đầu tư mua sắm tài sản cố định:	25,577 tỷ đồng

b) Phát triển thị trường

- Tiếp tục đổi mới phương thức quảng bá, phát triển thương hiệu TEDI trên website, Tập san KSTK, Brouchure, phương tiện thông tin đại chúng, các bản tin ngắn, video giới thiệu dự án, sự kiện của TEDI tới các Chủ đầu tư, các Sở, Ban, Ngành, đối tác nước ngoài, Nhà đầu tư tư nhân, các trường học có chuyên ngành liên quan để các thông tin về TEDI được tuyên truyền rộng rãi hơn. Nội dung trang Web thường xuyên được cập nhật để cuốn hút, phong phú hơn nữa và đồng nhất giữa phiên bản tiếng Việt và tiếng Anh.
- Tăng cường công tác tiếp thị, mở rộng thị trường. Cải tiến hiệu quả hoạt động marketing. Chuyên sâu về một số sản phẩm đặc thù hoặc một số thị trường có hiệu quả.
- Tăng cường nguồn nhân lực một số vị trí để tăng năng lực đấu thầu cạnh tranh: Nhân sự thực hiện các dự án Đường sắt, Đường sắt đô thị, Sân bay; Các kỹ sư có khả năng tham gia thiết kế, giám sát các dự án vốn ODA tại Việt Nam, tại các nước khu vực ASEAN đảm nhiệm các chức danh Đồng chủ nhiệm dự án, trợ lý kỹ sư thường trú.
- Tăng cường kỹ năng lập HSQT, HSDT khi tham gia các dự án đấu thầu quốc tế.
- Duy trì và phát triển bền vững mối quan hệ với các đối tác truyền thống cũng như tăng cường hợp tác với các đối tác mới để tìm kiếm và tạo nguồn công việc ổn định; Tích cực khai thác các dự án PPP với các nhà đầu tư mạnh (trong và ngoài nước), ưu tiên tiếp cận các dự án lớn như Đường cao tốc, Đường sắt, Sân bay, Quy hoạch cảng biển, đường thủy nội địa, v.v...
- Thường xuyên xem xét tính ưu tiên đối với phân khúc thị trường đã chọn để điều chỉnh cho phù hợp; Từng bước xây dựng và phát triển sang một số lĩnh vực khác như thủy lợi, nông nghiệp và phát triển nông thôn, hạ tầng đô thị - khu công nghiệp, điện gió, điện mặt trời, v.v...

c) Công tác quản trị doanh nghiệp:

- Tiếp tục hoàn thiện quy chế, quy định quản trị nội bộ.
- Thường xuyên đánh giá nguồn nhân lực, tinh giản biên chế quản lý, nâng cao hiệu quả hiệu lực quản lý, điều hành; Thực hành tiết kiệm nhằm tiết giảm chi phí quản lý, hạ giá thành sản phẩm; Thực hiện Chương trình đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.
- Cải tiến hiệu quả điều hành hoạt động SXKD nhằm tạo ra sản phẩm có chất lượng đáp ứng tiến độ yêu cầu; Hợp lý hoá hệ thống sản phẩm, mua thêm phần mềm mới để ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành.
- Tiếp tục triển khai Chiến lược phát triển giai đoạn 2017-2026, chỉ đạo hoàn thành Chương trình mục tiêu năm 2023.
- Tăng cường công tác quản lý vốn đầu tư tại công ty con thông qua Người đại diện phần vốn: i) Thực hiện tái cơ cấu toàn diện (công tác tổ chức cán bộ, quản trị doanh nghiệp, phát triển khoa học công nghệ, đào tạo...) một số công ty con hoạt động kém hiệu quả nhằm tăng hiệu quả đầu tư vốn, giảm thiểu rủi ro tài chính; ii) Rà soát, đánh

giá và hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ, phòng ngừa rủi ro đối với tất cả các mặt hoạt động của doanh nghiệp, đặc biệt là rủi ro pháp lý, rủi ro trong hoạt động kinh doanh, rủi ro tài chính về thuế, nợ phải thu khó đòi, tồn thất hàng tồn kho, v.v...; iii) Kiểm soát về tiêu chuẩn, chất lượng, giá cả đối với sản phẩm dịch vụ đảm bảo tính thống nhất trong toàn Tổng công ty; iv) Bổ sung, cập nhật và hoàn thiện phần mềm FAST ONLINE để thống nhất chính sách kế toán và quản lý hợp đồng trong Tổng công ty và các công ty con; v) Đề cử nhân sự tham gia Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và thông qua nhân sự bổ nhiệm Ban điều hành của các công ty con có thay đổi nhân sự trong cuộc họp ĐHĐCĐ/HĐTV thường niên năm 2023.

5. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có):

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Tổng công ty:

- a) Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, rác thải...): Sử dụng tiết kiệm điện, nước. Không có rác thải gây ô nhiễm môi trường.
- b) Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động: Thực hiện tốt các chính sách chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của người lao động, đảm bảo công ăn việc làm, thu nhập ổn định, môi trường làm việc đồng thuận, chuyên nghiệp, luôn cải thiện điều kiện cơ sở vật chất làm việc, đời sống tinh thần cho người lao động.
- c) Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương: Thực hiện tốt chính sách xã hội, quan tâm đến các hoạt động từ thiện tại địa phương nơi đóng trụ sở và các hoạt động vì cộng đồng theo chương trình của Nhà nước: Tình nguyện mùa đông, Tình nguyện mùa hè, ủng hộ đồng bào bão lụt miền Trung, đồng bào dân tộc vùng sâu, vùng xa, v.v ... Luôn có trách nhiệm cao với cộng đồng thông qua các sản phẩm dịch vụ hiệu quả, tiết kiệm, không làm lãng phí tài sản xã hội.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY:

Tổng công ty cùng các công ty con đã thực hiện rà soát cập nhật bổ sung toàn diện các quy chế quy định nội bộ, nâng cao hiệu quả hiệu lực quản lý điều hành của Hội đồng quản trị và Ban lãnh đạo đơn vị; tổ chức thực hiện Chiến lược phát triển giai đoạn 2017-2026 theo định hướng phát triển chung; thực hiện tái cơ cấu doanh nghiệp, tập trung xây dựng nguồn nhân lực có chất lượng, đổi mới điều hành và quản trị doanh nghiệp, quan tâm chăm lo đời sống Người lao động cũng như đảm bảo quyền lợi cho các cổ đông.

Các dự án do Tổng công ty thực hiện đảm bảo chất lượng, tiến độ, đáp ứng yêu cầu khách hàng. Thương hiệu, uy tín của Tổng công ty tiếp tục được khẳng định, giành được tín nhiệm từ các khách hàng và đối tác. Các đơn vị đã duy trì và phát triển được thị trường, đảm bảo tăng trưởng SXKD và hoàn thành vượt mức kế hoạch năm 2022.

1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Tổng Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội:

Ban lãnh đạo điều hành đã tập trung chỉ đạo, bám sát Chương trình mục tiêu năm 2022, kiểm soát chi tiêu, tăng cường công tác tìm kiếm dự án mới, đảm bảo chất lượng, tiến độ các dự án và an toàn lao động. Thương hiệu TEDI tiếp tục được Chủ đầu tư và khách hàng đánh giá cao, giữ vững và nâng cao uy tín tư vấn đầu ngành trong lĩnh vực thiết kế hạ tầng GTVT Việt Nam. Bước đầu hiện thực hóa chiến lược trở thành tư vấn đạt trình độ khu vực và quốc tế thông qua triển khai các dự án ODA và thị trường nước ngoài (Lào, Solomon, ...).

Về chỉ tiêu tài chính: Tổng giá trị tài sản thời điểm 31/12/2022 đạt 1.334 tỷ đồng; Doanh thu hợp nhất: 1.469 tỷ đồng, lợi nhuận hợp nhất: 114 tỷ đồng, hoàn thành vượt mức

154% kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua đầu năm. Hội đồng quản trị đánh giá đây là nỗ lực đáng ghi nhận của Ban điều hành, Người đại diện phần vốn, người lao động toàn Tổng công ty trong điều kiện khối lượng công việc rất lớn gấp 2 lần năm trước, đáp ứng được tiến độ và chất lượng yêu cầu theo chủ trương của Chính phủ quyết liệt giải ngân đầu tư công các công trình trọng điểm quốc gia, đặc biệt là dự án đường bộ cao tốc Bắc – Nam giai đoạn 2021-2025. Ban điều hành cần tiếp tục phát huy trong công tác phát triển thị trường, tìm kiếm nguồn công việc, thực hiện tiết kiệm chi phí, quản lý chi phí chặt chẽ, hiệu quả, đảm bảo định mức tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu HĐQT giao và tăng thu nhập cho người lao động.

Về phát triển thị trường: Trong môi trường cạnh tranh gay gắt của nhiều tư vấn với chính sách giảm giá sâu, TEDI vẫn giữ được các khách hàng truyền thống đồng thời mở rộng được sang các Nhà đầu tư PPP, các tổ chức cho vay ODA, v.v... ký kết được nhiều hợp đồng có giá trị lớn, với tổng giá trị hợp đồng đạt 2.705 tỷ đồng. Đây là sự nỗ lực vượt bậc của Ban điều hành Tổng công ty và các công ty con trong công tác đấu thầu, tìm kiếm và phát triển thị trường.

Về công tác quản lý tài chính và quản trị rủi ro: Có sự cải thiện đáng kể trong công tác tài chính kế toán và quản lý hợp đồng do triển khai áp dụng thống nhất phần mềm FAST ONLINE trong Tổng công ty và các Công ty con trong năm 2022; công tác đối chiếu công nợ, theo dõi đánh giá phân tích tuổi nợ phải thu, phải trả, hàng tồn kho được thực hiện thường xuyên nhằm thu hồi công nợ, tận thu kinh phí, không để phát sinh công nợ khó đòi, đảm bảo nguồn kinh phí cho hoạt động sản xuất kinh doanh; Kiểm soát viên của Tổng công ty tại các công ty con phối hợp chặt chẽ với kiểm toán độc lập thực hiện công tác kiểm tra, giám sát hoạt động quản lý điều hành, hệ thống kiểm soát nội bộ và công tác tài chính kế toán của công ty con nhằm giảm thiểu rủi ro cho doanh nghiệp về mọi mặt, đặc biệt là rủi ro về tài chính.

Về công bố thông tin và đảm bảo tính minh bạch: Tổng công ty đã thực hiện công bố thông tin theo đúng quy định của Ủy ban Chứng khoán nhà nước đối với Công ty đại chúng và của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội sau khi niêm yết trên hệ thống giao dịch chứng khoán UPCOM kể từ ngày 10/5/2022.

Về trách nhiệm với cộng đồng: Thực hiện tốt công tác xã hội, từ thiện, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động.

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng giám đốc:

Ban Tổng giám đốc thực hiện đầy đủ nhiệm vụ và quyền hạn theo đúng quy định của Điều lệ Tổ chức và hoạt động của TEDI và pháp luật hiện hành. Hội đồng quản trị thực hiện chức năng kiểm tra, giám sát công tác điều hành của Ban Tổng giám đốc thông qua các báo cáo định kỳ hàng quý, báo cáo đột xuất và báo cáo trực tiếp của Tổng giám đốc tại các cuộc họp của HĐQT.

Tổng giám đốc và các Phó Tổng giám đốc, Người đại diện phần vốn tại các công ty con có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, có sự phân công nhiệm vụ cụ thể, duy trì tổ chức các cuộc họp giao ban sản xuất hàng tháng, quý, các cuộc họp điều hành sản xuất thường xuyên để có chỉ đạo kịp thời, hiệu quả, điều hành dự án đáp ứng tiến độ, chất lượng yêu cầu của khách hàng.

Ban Tổng giám đốc thực hiện đúng Chương trình mục tiêu đề ra, tập trung vào ngành nghề sản xuất chính, phát huy thế mạnh tư vấn hạ tầng GTVT hàng đầu; ra quyết định kinh doanh kịp thời, nắm bắt cơ hội, phát triển thị trường; thực hiện và triển khai đúng các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

Đánh giá chung, Ban Tổng giám đốc Tổng công ty và Ban Giám đốc các công ty con đã hoàn thành và hoàn thành tốt chức năng nhiệm vụ điều hành SXKD trong năm 2022,

đảm bảo tuân thủ pháp luật Nhà nước, Điều lệ Tổng công ty/Công ty, thực hiện nghiêm túc nghị quyết ĐHĐCĐ, HĐQT và các quy chế, quy định quản trị nội bộ của doanh nghiệp, hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch ĐHĐCĐ giao năm 2022, bảo toàn vốn, đảm bảo tăng thu nhập cho người lao động, tăng giá trị doanh nghiệp và cổ tức cao cho cổ đông.

3. Các kế hoạch, định hướng của HĐQT:

3.1 Kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2023

- Chỉ đạo, giám sát các hoạt động của Tổng công ty đảm bảo tiếp tục ổn định và phát triển, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2023 Đại hội đồng cổ đông giao, trong đó tập trung vào các lĩnh vực: Tìm kiếm thị trường tiềm năng mới, tiếp tục mở rộng thị trường tư vấn trong và ngoài nước; phát triển lĩnh vực mới trong đó tập trung vào các ngành như hạ tầng đường sắt, hàng không, cảng đường thủy, khu đô thị, tư vấn phát triển, v.v...;

- Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát bảo đảm cho các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, quy định, quy chế nội bộ và các chính sách, pháp luật của Nhà nước được thực thi và có hiệu lực trong Tổng công ty;

- Tiếp tục chỉ đạo thực hiện công tác tái cơ cấu doanh nghiệp, củng cố và phát triển nhóm công ty trong đó tập trung xây dựng định hướng phát triển ngành nghề thị trường sản phẩm đến năm 2026, công tác tổ chức - cán bộ, hệ thống các quy chế, quy định nội bộ phù hợp với tình hình thực tế, quản trị doanh nghiệp, phát triển khoa học công nghệ theo hướng tinh gọn, hiệu quả cao và đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh.

- Tăng cường công tác dự báo, tiếp tục nâng cao năng lực quản trị tài chính, đảm bảo tài chính Tổng công ty và các công ty con an toàn, minh bạch, độ tin cậy cao; Chỉ đạo kiểm soát chặt chẽ chi phí hoạt động của Tổng công ty và các công ty con, quản lý và kiểm soát hiệu quả dự án theo hợp đồng; tăng cường công tác kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, kiểm soát rủi ro trong sản xuất kinh doanh, rủi ro tài chính như dòng tiền, công nợ, hàng tồn kho, v.v....;

- Chỉ đạo tổ chức xây dựng và thực hiện các chương trình đào tạo theo định hướng phát triển ngành nghề và mở rộng thị trường của Tổng công ty ra nước ngoài với sự hỗ trợ của các cổ đông lớn. Tăng cường công tác đào tạo nâng cao trình độ nghiệp vụ, xây dựng đội ngũ chuyên gia chủ chốt, chuyên gia đầu ngành, đạt tiêu chuẩn tư vấn quốc tế;

- Thực hiện các chức năng quản trị hoạt động Tổng công ty theo đúng phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT đã được quy định tại Điều lệ Tổng công ty, tổ chức các cuộc họp thường kỳ Hội đồng quản trị tối thiểu mỗi quý một lần, các cuộc họp bất thường và lấy ý kiến bằng văn bản để giải quyết kịp thời các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT; chỉ đạo và tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Tổng công ty và các công ty con theo quy định.

3.2 Định hướng hoạt động Tổng công ty năm 2023:

1) Công tác thị trường và ngành nghề.

- (i) Xây dựng và triển khai định hướng phát triển thị trường, ngành nghề giai đoạn 2023-2026 với mục tiêu tiếp tục phát triển thị trường, ngành nghề truyền thống, từng bước mở rộng thị trường, ngành nghề mới.
- (ii) Tiếp tục thực hiện tốt dự án tại Solomon và các dự án có nguồn vốn nước ngoài. Phân đầu tiếp tục tham gia tối thiểu 01 Dự án có yếu tố nước ngoài.
- (iii) Tiếp tục phát triển các hoạt động đầu tư đang nghiên cứu, đánh giá và mở rộng thêm quỹ đất trên cơ sở các hoạt động kinh doanh truyền thống; thực hiện thành công 01 dự án đầu tư.

2) Công tác sản xuất kinh doanh, tài chính.

- (i) Phân đầu các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2023 cao hơn thực hiện năm 2022.

- (ii) Phát huy triệt để các phần mềm quản trị điều hành sẵn có và từng bước nâng cấp hoàn thiện để nâng cao hiệu suất công việc, tiết kiệm chi phí, hỗ trợ công tác tham mưu.
- (iii) Kiểm soát chặt chẽ rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh, quản lý vốn, tài sản, v.v..., đảm bảo an toàn tài chính, nâng cao độ tin cậy của Báo cáo tài chính.

3) Công tác quản trị doanh nghiệp và tổ chức cán bộ.

- (i) Xây dựng và triển khai Đề án tái cơ cấu Nhóm Công ty TEDI, trong đó Công ty mẹ giữ vai trò hạt nhân chi phối, đảm bảo mục tiêu chung là phát triển thị trường, sản phẩm, nâng cao uy tín thương hiệu doanh nghiệp và cùng phát triển ổn định và bền vững của cả nhóm Công ty TEDI.
- (ii) Không ngừng đổi mới phương thức, hình thức và nội dung công tác đào tạo để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng mềm, sử dụng phần mềm thiết kế cầu, đường, v.v..., đảm bảo nguồn nhân lực chất lượng ngày càng cao. Phần đầu mỗi Kỹ sư được tham gia tối thiểu 01 lượt đào tạo/năm.
- (iii) Kịp thời cập nhật, đăng ký ngành nghề kinh doanh mới, chứng chỉ hành nghề tư vấn cho kỹ sư, kiến trúc sư, v.v..., đặc biệt là các chức danh chủ chốt của dự án nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh trong đấu thầu dự án.

4) Công tác quản lý chất lượng, phát triển KHCN và NCPT.

- (i) Tiếp tục đẩy mạnh nghiên cứu và ứng dụng công nghệ mới trong công tác khảo sát, thiết kế. Phần đầu tối thiểu mỗi đơn vị sản xuất có 05 và mỗi đơn vị quản lý có 02 sáng kiến, cải tiến, hợp lý hóa sản xuất được khen thưởng trong đó tối thiểu có 15 sáng kiến cải tiến được tặng Bằng Lao động sáng tạo.
- (ii) Không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, phần đầu tối thiểu 03 công trình đăng ký giải thưởng VECAS AWARD và FIDIC AWARD. Tổ chức xét và trao “Giải thưởng sáng tạo TEDI năm 2023”.
- (iii) Tiếp tục đầu tư phần mềm, máy móc thiết bị hiện đại đáp ứng yêu cầu hoàn thiện hệ thống thiết kế theo mô hình BIM và xây dựng quy trình thiết kế BIM thống nhất thực hiện trong Tổng công ty. Phần đầu tối thiểu mỗi trung tâm thiết kế có 03 công trình áp dụng BIM; Trung tâm Số liệu cơ bản ứng dụng công nghệ quét LiDAR cho các Dự án có địa hình phức tạp và phát huy hiệu quả thiết bị khoan tự hành, thiết bị thăm dò địa chấn trong khảo sát địa chất. Số kỹ sư đảm nhận chức danh chủ trì hạng mục trở lên tăng tối thiểu 10%.

5) Quản trị và văn hóa doanh nghiệp.

- (i) Rà soát, nghiên cứu, đánh giá hồ sơ pháp lý của toàn bộ các quỹ đất thuộc Tổng công ty đang quản lý sử dụng làm căn cứ lập danh mục dự án đầu tư của Tổng công ty; Đề xuất và phê duyệt đầu tư thành công 01 dự án đầu tư.
- (ii) Nâng cấp hệ thống mạng nội bộ đáp ứng yêu cầu sản xuất và công tác quản lý điều hành; thường xuyên cập nhật thông tin đăng bài hình ảnh về mọi mặt hoạt động của Tổng công ty, tuyên truyền quảng bá sâu rộng thương hiệu TEDI trong và ngoài nước.
- (iii) Tiếp tục phối hợp chặt chẽ với các tổ chức đoàn thể trong việc quan tâm nâng cao đời sống vật chất tinh thần, điều kiện làm việc cho người lao động, đồng thời làm tốt công tác xã hội từ thiện, hoạt động hướng tới cộng đồng.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY:

1. Hội đồng quản trị:

a) Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị:

TT	Họ và tên	Chức danh	Tham gia điều hành	Tỷ lệ sở hữu cổ phần TEDI (%)	Tỷ lệ sở hữu chứng khoán khác của TEDI	Số lượng chức danh thành viên HĐQT nắm giữ tại các công ty khác (không phải là công ty con của TEDI)
1	Hitoshi YAHAGI	Chủ tịch		0	0	0
2	Phạm Hữu Sơn	Phó chủ tịch	x	8,499	0	0
3	Đỗ Minh Dũng	Thành viên	x	1,336	0	0
4	Đỗ Thị Phương Lan	Thành viên		0	0	03
5	Đào Ngọc Vinh	Thành viên	x	1,00	0	0

b) Các tiểu ban thuộc HĐQT:

c) Tổ giúp việc HĐQT:

TT	Họ và tên	Chức danh
1	Nguyễn Công Tâm	Tổ trưởng – Thư ký công ty – Phụ trách QTDN
2	Trần Thị Thu Hương	Chuyên gia tài chính
3	Chu Minh Hợi	Phiên dịch tiếng Anh
4	Võ Hoàng Hà	Chuyên viên pháp chế

d) Hoạt động của HĐQT:

* Các cuộc họp của Hội đồng quản trị:

TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Hitoshi YAHAGI	Chủ tịch HĐQT	5/5	100%	
2	Phạm Hữu Sơn	PCT HĐQT	5/5	100%	
3	Đỗ Minh Dũng	TV HĐQT	5/5	100%	
4	Đào Ngọc Vinh	TV HĐQT	5/5	100%	
5	Phùng Tiến Trung	TV HĐQT	2/2	100%	Miễn nhiệm 06/05/2022
6	Đỗ Thị Phương Lan	TV HĐQT	3/3	100%	Bổ nhiệm 06/05/2022

Trong năm 2022, HĐQT tổ chức được 04 phiên họp thường kỳ và 01 phiên họp bất thường để xem xét, quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT với sự tham gia của Trưởng Ban kiểm soát. Các cuộc họp được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và các quy chế liên quan; các nội dung biểu quyết đều đạt được sự đồng thuận cao.

Để xem xét và giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT phát sinh giữa hai phiên họp, HĐQT đã tổ chức 16 lần lấy ý kiến bằng văn bản của thành viên HĐQT. Việc tổ chức lấy ý kiến thành viên HĐQT và ban hành Nghị quyết đảm bảo thực hiện theo quy định tại khoản 16, Điều 36, Điều lệ Tổng công ty.

* *Họp Đại hội đồng cổ đông thường niên*: Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 được tổ chức vào ngày 06/5/2022. Biên bản họp, Biên bản kiểm phiếu và

Nghị quyết ĐHĐCĐ đã được công bố thông tin trong vòng 24h theo quy định. HĐQT đã kịp thời triển khai và hoàn thành Nghị quyết ĐHĐCĐ số 10 NQ/TEDI-ĐHĐCĐ ngày 06/5/2022.

* *Họp Đại hội đồng cổ đông bất thường*: Không.

* *Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản*: 01 lần.

Ngày 15/7/2022, Hội đồng quản trị Tổng công ty có Tờ trình số 2109 TTr./TEDI-HĐQT đề tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về việc Thông qua việc miễn chào mua công khai.

Căn cứ Biên bản kiểm phiếu kết quả lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản ngày 28/7/2022, ĐHĐCĐ đã ban hành Nghị quyết số 10.01 NQ/TEDI-ĐHĐCĐ thông qua việc Quỹ Đầu tư hạ tầng RED ONE (R1F) được quyền nhận chuyển nhượng cổ phiếu có quyền biểu quyết trong một lần hoặc nhiều lần dẫn đến việc sở hữu từ 25% đến dưới 35% tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Tổng công ty Tư vấn thiết kế Giao thông vận tải – CTCP (TEDI) mà không phải thực hiện chào mua công khai theo quy định của pháp luật. Đối tượng chuyển nhượng là Công ty cổ phần đầu tư MHC.

Biên bản và Nghị quyết ĐHĐCĐ đã được công bố thông tin theo quy định.

* *Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Tổng giám đốc*

HĐQT thường xuyên giám sát hoạt động của Ban Tổng giám đốc và các bộ phận quản lý khác nhằm đảm bảo hoạt động của Tổng công ty được an toàn, tuân thủ đúng pháp luật, triển khai thực hiện theo đúng các Nghị quyết của HĐQT; tiếp nhận thường xuyên và đầy đủ báo cáo của Tổng giám đốc. Cụ thể như sau:

- Giao chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2022 cho Ban điều hành Tổng công ty và Người đại diện phần vốn tại các công ty con; thông qua Chương trình mục tiêu năm 2022.
- Giám sát thực hiện kế hoạch SXKD và đánh giá Chương trình mục tiêu năm 2022.
- Xem xét đánh giá việc thực hiện kế hoạch hàng quý, 6 tháng, 9 tháng, năm.
- Lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022; chỉ đạo việc lập và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022.
- Chỉ đạo việc lập kế hoạch SXKD và xây dựng Chương trình mục tiêu năm 2023.
- Quyết định thành lập Ban Đầu tư TEDI.
- Thông qua các đề án tái cơ cấu công ty con, đề án phát triển ngành nghề và các dự án xây dựng cơ bản; Chỉ đạo NĐDPV tại các Công ty con sửa đổi, bổ sung và ban hành các quy chế nội bộ thống nhất với Tổng công ty, cụ thể: Điều lệ; Quy chế nội bộ quản trị công ty; Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế hoạt động của BKS tuân thủ Luật Doanh nghiệp 2020; Bổ sung cập nhật các quy chế: Quy chế Quản lý tài chính, Quy chế Tiền lương – Tiền thưởng Quy chế Thi đua – Khen thưởng, Quy định quản lý Nhà thầu phụ/Đơn vị thuê ngoài.
- Phê duyệt nhân sự Người đại diện phần vốn, Kiểm soát viên; Đề cử nhân sự tham gia HĐQT, BKS các công ty con; thống nhất các nội dung để NĐDPV biểu quyết tại HĐQT và ĐHĐCĐ Công ty con.

* *Hoạt động của các tiểu ban thuộc HĐQT*:

- Tổ giúp việc HĐQT: Tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, thực hiện đúng chức năng giúp việc cho HĐQT, đảm bảo việc tổ chức các cuộc họp của HĐQT được thực hiện đúng theo thể thức và các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT được ban hành phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ của Tổng công ty.

* *Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị*:

- Các Nghị quyết:

TT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	14.03 NQ-NK2/ TEDI-HĐQT (PLYK 47 08/01/2022)	12/01/2022	Trình UBCKNN về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại TEDI là 49%.	100%
2	14.04 NQ-NK2/ TEDI-HĐQT (PLYK 87 12/01/2022)	17/01/2022	Thông nhất chủ trương TEDI và các Công ty con tham gia thực hiện Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025.	100%
3	15 NQ-NK2/ TEDI-HĐQT (Họp thường kỳ Quý I Năm 2022)	15/3/2022	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua các nội dung: + Công tác SXKD: BCTC năm 2021; Phương án PPLN năm 2021; Quyết toán Quỹ tiền lương năm 2021; Quyết toán thù lao HĐQT, BKS năm 2021; Kế hoạch SXKD năm 2022; Hạn mức tín dụng năm 2022 + Kế hoạch tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 và các nội dung trình Đại hội thông qua. + Công tác đại diện phần vốn: Các nội dung chỉ đạo NDDPV biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 của các công ty con. + Chủ trương giao dịch với công ty con (người liên quan của cổ đông nội bộ) năm 2022 + Trình ĐHĐCĐ điều chỉnh nội dung một số ngành nghề kinh doanh (Mã ngành 4659, 8299 và 1811), đảm bảo tỷ lệ sở hữu cổ phần nhà đầu tư nước ngoài là 49%. + Giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu TEDI trên sàn HNX là 30.000 đồng/cổ phần; Ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu TEDI trên sàn HNX: từ 15/4/2022 đến 30/4/2022. + Bổ sung Chương trình mục tiêu năm 2022: Phát triển lĩnh vực Tư vấn đầu tư và Tư vấn quản lý dự án. + Chủ trương thành lập Ban đầu tư TEDI + Sử dụng chung phần mềm kế toán FAST online trong nhóm Công ty TEDI để thống nhất chính sách kế toán; hạch toán và quản lý dự án theo hợp đồng + Nhân sự HĐQT TEDI-WECCO: Cử ông Doãn Vĩnh Lộc làm NDDPV tại TEDI-WECCO; đề cử bầu bổ sung thành viên HĐQT TEDI-WECCO và bổ nhiệm làm Giám đốc TEDI-WECCO thay ông Nguyễn Khánh Giang. 	100%
4	15.01 NQ-NK2/ TEDI-	31/3/2022	Thông nhất nhân sự bổ nhiệm Ban điều hành nhiệm kỳ IV (2022-2027) của 04 Công ty	100%

TT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
	HĐQT (PLYK 812 28/3/2022)		con: BRITEC, HECO, RECO và TEDI-PORT.	
5	15.02 NQ-NK2/ TEDI-HĐQT (PLYK 813 31/3/2022)	31/3/2022	Thông nhất kết quả xếp hạng lại công ty con năm 2022	100%
6	16 NQ-NK2/ TEDI-HĐQT (Cuộc họp bất thường)	12/4/2022	Thông qua nội dung và tài liệu bổ sung hợp ĐHCĐ thường niên năm 2022: Miễn nhiệm và bầu bổ sung 01 thành viên HĐQT & 01 thành viên BKS. Thông nhất nhân sự bổ nhiệm Phó giám đốc TEDI-PORT – Ông Nguyễn Quang Hiến	100%
7	16.01 NQ-NK2/ TEDI-HĐQT (PLYK 1293 9/5/2022)	12/5/2022	Thông qua Phương án tái cơ cấu tổ chức TEDI-WECCO	100%
8	16.02 NQ-NK2/ TEDI-HĐQT (PLYK 1333 11/5/2022)	14/5/2022	Thông qua việc vay vốn, bảo lãnh tại Ngân hàng PG Bank - Chi nhánh Hà Nội	100%
9	16.03 NQ-NK2/ TEDI-HĐQT (PLYK 1357 13/5/2022)	17/5/2022	Thông nhất chủ trương hợp tác với Công ty CP Quản lý tàu Việt Nam để khai thác sử dụng khu đất số 2 Bến Bính, TP Hải Phòng	100%
10	17 NQ-NK2/ TEDI-HĐQT (Hợp thường kỳ Quý II Năm 2022)	21/6/2022	Thông nhất các nội dung sau: Kết quả SXKD Q1, ƯTH 6T, nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2022. Lựa chọn AASC kiểm toán BCTC năm 2022. Thời gian chi trả cổ tức năm 2021 là 01/10/2022 Hạn mức tín dụng năm 2022 tại BIDV, MB. Điều chỉnh phân công nhiệm vụ thành viên HĐQT. Thông nhất bổ nhiệm bà Nguyễn Thanh Tú làm KTT HECO. Chương trình hoạt động hướng tới Lễ kỷ niệm 60 năm thành lập TEDI (27/12/1962-27/12/2022). Hội nghị đại diện phần vốn và tập huấn quản trị doanh nghiệp năm 2022. Thông nhất lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản đề thông qua nghị quyết ĐHCĐ về việc miễn chào mua công khai đối với việc chuyển nhượng cổ phần TEDI. Công tác tổ chức và kế hoạch hoạt động của Ban đầu tư TEDI	100%

TT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
11	NQ 17.01 (PLYK 2075 12/7/2022)	16/7/2022	Thông nhất chấm dứt hợp đồng lao động với ông Lê Việt Thắng – Phó Giám đốc RECO	100%
12	NQ 17.02 (PLYK 2297 01/08/2022)	05/8/2022	Thông nhất triển khai khảo sát, TKKT 07 dự án thành phần thuộc Dự án Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025	100%
13	NQ 17.03 (PLYK 2392 10/8/2022)	15/08/2022	Bổ sung Quy chế Tiền lương – Tiền lương về thang lương Nhóm A, B và điều kiện nâng chuyển ngạch lương sớm.	100%
14	NQ 17.04 (PLYK 2539 26/8/2022)	31/8/2022	Thông nhất bổ nhiệm ông Nguyễn Mạnh Cường làm Phó giám đốc HECO.	100%
15	18 NQ-NK2/ TEDI-HĐQT (Họp thường kỳ Quý III Năm 2023)	21/9/2022	Kết quả SXKD 6 tháng, ước thực hiện 9 tháng và nhiệm vụ trọng tâm Quý IV/2022; Hội nghị ĐDPV năm 2022; Chương trình tham quan học tập nước ngoài năm 2022; Nhân sự Kế toán trưởng – Trưởng phòng TCKT TEDI; Định hướng tái cơ cấu công ty con; Hợp đồng chuyên gia với thành viên Ban điều hành Công ty con đến tuổi nghỉ hưu; Tham gia đấu giá mua tài sản tầng 3+4 Nhà G của TEDI-GIC; Điều chỉnh tổng mức đầu tư TSCĐ năm 2022 của HECO; Một số chủ trương về chuẩn bị đầu tư một số dự án.	100%
16	NQ 18.01 (PLYK 3551 15/11/2022)	19/11/2022	Gia hạn 2 năm hợp đồng hợp tác liên doanh với Công ty Ô tô Thành An – Long Biên.	100%
17	NQ 18.02 (PLYK 3701 29/11/2022)	03/12/2022	Kéo dài 1 năm thời gian làm việc và giữ chức vụ của ông Nguyễn Thanh Hà - PGĐ BRITEC sau khi nghỉ hưu.	100%
18	19 NQ-NK2/ TEDI-HĐQT (Họp thường kỳ Quý IV Năm 2022)	19/12/2022	Báo cáo kết quả hoạt động của HĐQT năm 2022; Kết quả SXKD 9 tháng, ước thực hiện năm 2022; Đánh giá thực hiện CTMT năm 2022. Kế hoạch SXKD năm 2023. Công tác đại diện phần vốn năm 2023 Giao dịch nội bộ năm 2023	100%
19	NQ 19.01 (PLYK 3701 29/11/2022)	30/12/2022	Nhân sự Kế toán trưởng RECO	100%
20	NQ 19.02 (PLYK 289 07/02/2023)	10/02/2023	Nhân sự Người đại diện phần vốn và Ban điều hành tại TEDI-PORT và TEDI-WECCO	100%
21	NQ 19.03 (PLYK 493 24/02/2023)	27/02/2023	Cử Người quản lý và điều hành doanh nghiệp của HECO đi tham quan học tập tại Mỹ	100%

- Các Quyết định của HĐQT

TT	Số Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	16/QĐ-TEDI	20/01/2022	Kế hoạch kiểm toán nội bộ năm 2022	100%
2	76/QĐ-TEDI	15/3/2022	Thành lập Ban tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022	100%
3	77/QĐ-TEDI	15/3/2022	Thành lập Ban kiểm tra tư cách cổ đông cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022	100%
4	256/QĐ-TEDI	16/5/2022	Chi Quỹ thưởng HĐQT, BKS, BĐH năm 2021	100%
5	261/ QĐ-TEDI	19/5/2022	Thành lập Ban Đầu tư TEDI	100%
6	262/ QĐ-TEDI	19/5/2022	Ban hành Quy định Chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức Ban Đầu tư TEDI	100%
7	287/QĐ-TEDI	21/06/2022	Điều chỉnh phân công nhiệm vụ thành viên HĐQT Nhiệm kỳ II (2019-2024)	100%
8	288/QĐ-TEDI	21/06/2022	Điều chỉnh cổ phần đại diện cho NĐDPV tại RECO	100%
9	289/QĐ-TEDI	21/06/2022	Điều chỉnh cổ phần đại diện cho NĐDPV tại TEDI-PORT	100%
10	290/QĐ-TEDI	21/06/2022	Điều chỉnh cổ phần đại diện cho NĐDPV tại BRITEC	100%
11	291/QĐ-TEDI	21/06/2022	Điều chỉnh cổ phần đại diện cho NĐDPV tại HECO	100%
12	292/QĐ-TEDI	21/06/2022	Điều chỉnh mức lương tối thiểu tính lương chức danh kể từ ngày 01/7/2022	100%
13	317/QĐ-TEDI	06/07/2022	Cử TGD Phạm Hữu Sơn đi công tác Thụy Sĩ từ ngày 09-13/9/2022 dự Hội nghị FIDIC.	100%
14	352/QĐ-TEDI	05/08/2022	Điều chỉnh cổ phần đại diện cho NĐDPV tại APECO	100%
15	390/QĐ-TEDI	21/09/2022	Chấm dứt HĐLĐ với ông Trương Minh Sơn, Kế toán trưởng TEDI	100%
16	391/QĐ-TEDI	21/09/2022	Bổ nhiệm bà Tăng Thị Thu Hiền làm Kế toán trưởng TEDI.	100%
17	443/QĐ-TEDI	19/10/2022	Cử cán bộ công tác tại Lào	100%
18	501/QĐ-TEDI	28/11/2022	Cử cán bộ đi công tác Nhật Bản	100%
19	690/QĐ-TEDI	31/12/2022	Kế hoạch kiểm toán nội bộ năm 2023	100%

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập:

Cơ cấu HĐQT bao gồm 1/5 thành viên HĐQT là thành viên độc. Trong năm vừa qua, thành viên độc lập HĐQT đã hoạt động tích cực trên các phương diện chủ yếu:

- Giám sát hoạt động của HĐQT. Kết quả giám sát cho thấy:
 - + Báo cáo tài chính bán niên được soát xét và Báo cáo tài chính năm được kiểm toán độc lập và công bố phù hợp với chuẩn mực kế toán và các quy định của pháp luật hiện hành. Báo cáo tài chính được lập phản ánh hợp lý, trung thực tình hình tài chính của TEDI.
 - + Các nghị quyết, quyết định được ban hành hợp lệ, đúng thẩm quyền và tuân thủ chế độ công bố thông tin đối với công ty niêm yết.
 - + Công ty kiểm toán được lựa chọn đảm bảo độ tin cậy, trung thực, tuân thủ thời hạn kiểm toán, tuân thủ các quy định về nghề nghiệp, đảm bảo tính độc lập, khách quan khi đưa ra các ý kiến kiểm toán.

- Nhận diện và tư vấn cho HĐQT cách thức tổ chức, hoạt động KTNB phù hợp với quy định pháp luật mới, thông lệ thị trường và nhu cầu quản trị của TEDI.
- Đảm nhiệm vai trò giám sát hoạt động của Kiểm toán nội bộ và thực hiện chức năng nhiệm vụ theo phân công của HĐQT.

e) Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:

- Ông Hitoshi YAHAGI: Cử nhân Quản trị kinh doanh
- Ông Phạm Hữu Sơn: Chứng chỉ CEO
- Ông Đỗ Minh Dũng: Chứng chỉ CEO
- Ông Đào Ngọc Vinh: Chứng chỉ CEO
- Bà Đỗ Thị Phương Lan: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh (MBA)

Danh sách các thành viên HĐQT tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm 2022: Tháng 12/2022 TEDI tổ chức tập huấn quản trị doanh nghiệp với chủ đề “*Lãnh đạo trong kỷ nguyên số và quản lý đánh giá thực hiện công việc*”. 03 thành viên HĐQT là thành viên Ban điều hành tham gia, gồm:

- Ông Phạm Hữu Sơn: Phó Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc
- Ông Đỗ Minh Dũng: Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc
- Ông Đào Ngọc Vinh: Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc

2. Ban kiểm soát:

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

TT	Họ và tên	Chức danh	Chuyên trách	Không chuyên trách	Tỷ lệ sở hữu cổ phần TEDI (%)	Tỷ lệ sở hữu chứng khoán khác của TEDI
1	Mạch Thanh Toàn	Trưởng ban	x		0	-
2	Ngô Nam Hà	Thành viên		x	0,068	-
3	Võ Hoàng Anh	Thành viên		x	0,203	-

Tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 tổ chức ngày 06/05/2022, ông Mạch Thanh Toàn được bầu bổ sung làm thành viên BKS và được Ban kiểm soát bầu làm Trưởng Ban kiểm soát thay bà Phạm Thị Hồng Nhung đã được ĐHĐCĐ miễn nhiệm thành viên BKS.

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

*** Đánh giá kết quả hoạt động của các thành viên trong Ban kiểm soát:**

- Ông Mạch Thanh Toàn - Trưởng ban: Thực hiện công việc của Trưởng ban theo quy định và phân công nhiệm vụ trong Ban kiểm soát; Xây dựng và điều hành thực hiện kế hoạch của BKS; Đại diện Ban kiểm soát tham gia đầy đủ các cuộc họp do Hội đồng quản trị tổ chức, các cuộc họp của Ban kiểm soát và các công tác khác theo quy định; Giám sát hoạt động của HĐQT/BĐH; Thẩm định Báo cáo tài chính riêng và và BCTC hợp nhất;

- Ông Ngô Nam Hà - Thành viên: Thực hiện công việc theo quy định và phân công nhiệm vụ trong Ban kiểm soát; Giám sát hoạt động của HĐQT/BĐH; Thẩm định Báo cáo tài chính riêng và BCTC hợp nhất; Tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát và các công tác khác theo quy định.

- Ông Võ Hoàng Anh - Thành viên: Thực hiện công việc theo quy định và phân công nhiệm vụ trong Ban kiểm soát; Giám sát hoạt động của HĐQT/BĐH; Thẩm định Báo cáo tài chính riêng và BCTC hợp nhất; Tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát và các công tác khác theo quy định.

*** Các hoạt động của Ban Kiểm soát:**

Trong năm 2022, Ban Kiểm soát đã tổ chức 03 cuộc họp định kỳ với sự tham gia của 03/03 thành viên để thực hiện các nhiệm vụ, chức năng được quy định tại Điều lệ của Tổng công ty và pháp luật, chi tiết như sau:

- Tổ chức thẩm định Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo hợp nhất năm 2021; Thảo luận, thống nhất danh sách các đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện công tác kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2022 để trình Đại hội đồng thường niên; Bầu Trưởng Ban kiểm soát và phân công nhiệm vụ Ban kiểm soát; Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro của Công ty.
- Tham gia họp ĐHĐCĐ thường niên; cử người đại diện tham dự và thảo luận tại các phiên họp Hội đồng quản trị; tham gia ý kiến (nếu có) đối với các tài liệu lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản.
- Đề xuất danh sách công ty kiểm toán độc lập thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính Tổng công ty và các công ty con năm 2023.
- Thẩm tra tính hợp lý, hợp lệ và cân trọng trong tổ chức công tác kế toán, thống kê, lập các Báo cáo tài chính hàng quý, Báo cáo tài chính 6 tháng năm 2022 đã được soát xét bởi kiểm toán độc lập; xem xét các ý kiến ngoại trừ ảnh hưởng đến chất lượng Báo cáo tài chính công ty (nếu có).

*** Hoạt động giám sát của BKS:**

Trong năm 2022, Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ theo chức năng và nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Tổng công ty để giám sát hoạt động của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc trong việc thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT. Ngoài các nội dung tại cuộc họp nêu trên, còn các hoạt động cụ thể khác như sau:

- Ban kiểm soát tham gia 05 cuộc họp của HĐQT tổ chức trong năm 2022; tham gia họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 và Hội nghị Người lao động năm 2022.
- Giám sát hoạt động và việc tuân thủ theo quy định của pháp luật và Điều lệ đối với HĐQT, Ban Tổng giám đốc; việc quản lý và thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh, lợi nhuận năm 2022 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đã đề ra.
- Các nhiệm vụ khác theo quyết định của ĐHĐCĐ và quy định của Điều lệ, quy định hoạt động Ban kiểm soát TEDI.

*** Kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị**

- *Kết quả thực hiện:* Hội đồng quản trị đã tiến hành họp định kỳ, đột xuất và lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản theo quy định tại Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Tổng công ty để triển khai các nội dung theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Đại diện BKS tham gia đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị và nhận đầy đủ tài liệu lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản.
- *Ý kiến của Ban Kiểm soát:* Hội đồng quản trị TEDI thực hiện theo trách nhiệm, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

*** Kết quả giám sát hoạt động của Ban Điều hành**

- *Kết quả thực hiện:* Ban kiểm soát thực hiện đánh giá hoạt động của Ban Tổng Giám đốc dựa trên các kết quả điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như tính tuân thủ các quy định pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty trong các hoạt động vận hành thường xuyên.
- *Ý kiến của Ban Kiểm soát:* Các chỉ tiêu SXKD năm 2022 vượt kế hoạch năm. Ban điều hành thực hiện đúng các nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT.

*** Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Điều hành và các cán bộ quản lý khác:**

- Thường xuyên tham gia các cuộc họp Hội đồng quản trị và lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản.
- Ban kiểm soát cử đại diện tham gia Hội nghị Người lao động năm 2022, Hội thi Đồ án xuất sắc 2022 để nắm bắt thông tin về công tác điều hành sản xuất của Ban Điều hành và các cán bộ quản lý khác.
- Ban Kiểm soát đã nhận được sự hỗ trợ, hợp tác từ HĐQT, Ban điều hành Tổng công ty trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

*** Kết quả thẩm định các Báo cáo tài chính**

Trên cơ sở thẩm định lại các Báo cáo tài chính năm 2022 của Tổng công ty đã lập và được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC, Ban kiểm soát có những đánh giá như sau:

- Thống nhất với các Báo cáo tài chính năm 2022 của Tổng công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC;

- Ý kiến kiểm toán: Các Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu về tình hình tài chính, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm tài chính, phù hợp với Chế độ kế toán, Chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý liên quan.

Tại thời điểm 31/12/2022, các chỉ tiêu cơ bản được thể hiện trên Báo cáo tài chính riêng (bao gồm: Văn phòng Tổng Công ty, Công ty tư vấn thiết kế kiến trúc xây dựng, Chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh) và Báo cáo tài chính hợp nhất Tổng công ty, như sau:

a. Về kết quả kinh doanh:

Đơn vị tính: tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2021	Năm 2022		TH2022/TH2021	TH/KH 2022
			KH	TH		
I	BCTC hợp nhất					
1	Tổng doanh thu	953,443	955,000	1.468,794	154%	154%
2	LN sau thuế hợp nhất của cổ đông Cty mẹ	44,189	42,505	63,055	143%	148%
3	EPS (đồng/ CP)	2.762	3.500	5.027	182%	144%
II	BCTC riêng Cty mẹ					
1	Tổng doanh thu	407,006	425,000	594,041	146%	140%
2	LN sau thuế trên BC Cty mẹ	33,141	33,460	50,539	152%	151%

b. Về cơ cấu Tài sản và Nguồn vốn tại ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Công ty mẹ		Hợp nhất	
		Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng
1	Tổng Tài sản	619,606	100%	1.334,647	100%
A	Tài sản ngắn hạn	501,523	80,9%	1.246,418	93,4%
B	Tài sản dài hạn	118,083	19,1%	8,229	6,6%
2	Tổng Nguồn vốn	619,606	100%	1.334,647	100%
A	Nợ phải trả	444,854	71,8%	1.014,022	76,0%

TT	Chỉ tiêu	Công ty mẹ		Hợp nhất	
		Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng
A1	Nợ ngắn hạn	443,783	71,6%	1.011,356	75,8%
A2	Nợ dài hạn	1,071	0,2%	2,666	0,2%
B	Vốn chủ sở hữu	174,752	28,2%	320,625	24,0%

c. Một số chỉ tiêu về hệ số khả năng thanh toán của Báo cáo tài chính hợp nhất:

TT	Khả năng thanh toán	ĐVT	Năm 2021	Năm 2022
1	Khả năng thanh toán tổng quát	Lần	1,38	1,32
2	Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,28	1,23
3	Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,85	0,88

d. Nhận xét, đánh giá về tình hình tài chính:

Qua phân tích các số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2022 cho thấy:

- Tình hình tài chính của Tổng công ty tương đối ổn định, các chỉ tiêu về doanh thu, lợi nhuận tăng trưởng cao trong năm 2022 và đều vượt mức kế hoạch đề ra;
- Số liệu Báo cáo tài chính thể hiện sự cân đối về tình hình tài sản với nguồn vốn trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty, tài sản dài hạn luôn được đảm bảo đầu tư bằng nguồn vốn dài hạn, tài sản ngắn hạn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ ngắn hạn;
- Hệ số khả năng thanh toán: được đảm bảo, các chỉ số khả năng thanh toán như thanh toán tổng quát, thanh toán hiện hành đều duy trì ở mức lớn hơn 1.0 lần.

*** Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động của Ban kiểm soát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông**

Ban kiểm soát đã chủ động tham gia thảo luận, nắm bắt, đánh giá tình hình hoạt động của Tổng Công ty thông qua các cuộc họp định kỳ của Hội đồng quản trị. Ngoài ra, kịp thời phối hợp với Tổng Giám đốc và cổ đông trong việc thực hiện các yêu cầu của Cổ đông về tình hình hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

*** Báo cáo đánh giá về các giao dịch liên quan**

Tổng công ty đã thực hiện Báo cáo đầy đủ các nội dung và giao dịch với các bên liên quan theo đúng quy định pháp luật.

*** Kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2023:**

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ TEDI, Ban kiểm soát thống nhất xác định trọng tâm kế hoạch hoạt động năm 2023 như sau:

- Giám sát việc tuân thủ Điều lệ, thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2023;
- Đảm bảo đại diện Ban kiểm soát tham dự toàn bộ các cuộc họp của Hội đồng quản trị để nắm bắt tình hình quản trị của Tổng công ty;
- Thẩm định tính trung thực, hợp lý của Báo cáo tài chính bán niên và cả năm;
- Cập nhật các chế độ, chính sách mới ban hành để nâng cao trình độ chuyên môn nhằm đáp ứng yêu cầu công việc được giao.
- Các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BKS và Ban Tổng giám đốc:

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Đơn vị tính: đồng

TT	Họ và tên	Chức danh	Thưởng từ LNST năm 2021	Lương năm 2022	Thù lao		Tổng cộng
					Thù lao 2022 chi trong năm 2022	Thù lao 2022 chi trong năm 2023	
1	Hitoshi YAHAGI	CT HĐQT	89.010.000		118.530.000	39.510.000	247.050.000
2	Phạm Hữu Sơn	PCT HĐQT	81.600.000		142.200.000		223.800.000
3	Đỗ Minh Dũng	TV HĐQT	74.200.000		126.480.000		200.680.000
4	Đào Ngọc Vinh	TV HĐQT	74.200.000		126.480.000		200.680.000
5	Phùng Tiến Trung	TV HĐQT	74.200.000		42.160.000		116.360.000
6	Đỗ Thị Phương Lan	TV HĐQT			52.700.000	31.620.000	84.320.000
	Cộng HĐQT (1):		393.210.000	-	608.550.000	71.130.000	1.001.760.000
1	Phạm Thị Hồng Nhung	Trưởng BKS	44.500.000		31.600.000		76.100.000
2	Mạch Thanh Toàn	Trưởng BKS			39.500.000	23.700.000	63.200.000
3	Ngô Nam Hà	TV BKS	29.700.000	509.765.911	63.240.000		602.705.911
4	Võ Hoàng Anh	TV BKS	29.700.000	668.849.726	63.240.000		761.789.726
	Cộng BKS (2):		103.900.000	1.178.615.637	197.580.000	23.700.000	1.480.095.637
1	Phạm Hữu Sơn	TGD	125.000.000	1.187.272.745			1.407.102.745
2	Đỗ Minh Dũng	PTGD	80.750.000	984.975.940			1.065.725.940
3	Đào Ngọc Vinh	PTGD	75.260.000	1.083.040.196			1.158.300.196
4	Nguyễn Mạnh Hà	PTGD	75.260.000	966.768.041			1.042.028.041
5	Bùi Trần Long	PTGD	17.550.000	873.115.614			890.665.614
	Cộng BĐH (3):		373.820.000	5.095.172.536	-	-	5.468.992.536
	Tổng cộng (1)+(2)+(3):		870.930.000	6.273.788.173	806.130.000	94.830.000	8.045.678.173

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và người liên quan:

*** Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và người có liên quan:**

TT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng..)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	
I.	Người nội bộ						
1	Nguyễn Mạnh Hà	PTGD	25.000	0,2%	0	0	Bán cổ phần
2	Trương Minh Sơn	KTT	30.000	0,24%	0	0	Bán cổ phần
II.	Người liên quan						
1	RIF	DN	0	0	3.764.050	30,11%	Mua cổ phần

*** Giao dịch cổ phiếu của cổ đông lớn:**

TT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với công ty	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	
1	MHCI	Cổ đông	3.764.050	30,113	0	0	Bán cổ phần
2	RIF	Cổ đông	0	0	3.764.050	30,113	Mua cổ phần

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

(Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với Tổng công ty, các công ty con, các công ty mà Tổng công ty nắm quyền kiểm soát; của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên): Giao dịch của Tổng công ty với các công ty con là người có liên quan của người nội bộ Tổng công ty trong năm 2022:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Công ty con	Cung cấp dịch vụ cho công ty con						Mua dịch vụ (Chia thầu)	Công nợ	
		Đầu tư vốn	HĐ dịch vụ chung	Cho thuê trụ sở	Điện nước	KSTK	In ấn hồ sơ		Phải thu	Phải trả
1	RECO	669	185	833	181		-	-	5.276	2.256
2	HECO	765	576	1.909	330	2.378	38	1.855	1.033	5.516
3	PORT	822	174	1.721	270		-	4.532	6.620	737
4	GIC	-	57	-	-		54	17.647	8.210	1.052
5	BRITEC	1.080	543	338	983	663	2	-	1.786	1.271
6	WECCO	409	99	39	0		-	12.569	7.990	2.180
7	TECCO2	1.734	577	744	-	116	-	-	776	373
8	TEDCO4	500	83	-	-	341	-	7.440	2.158	295
9	TECCO5	926	263	-	-	432	-	4.396	817	1.596
10	APECO	2.410	348	746	90		-	-	269	
	Tổng cộng	9.314	2.906	6.329	1.854	3.930	94	48.440	34.935	15.275

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Công tác quản trị công ty của Tổng công ty tuân thủ đúng quy định của Luật Doanh nghiệp nói chung và Luật Chứng khoán đối với công ty đại chúng nói riêng.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2022

1. Ý kiến của kiểm toán độc lập:

Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 của Tổng công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC. Ý kiến của Kiểm toán độc lập như sau:

“Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng công ty Tư vấn thiết kế Giao thông vận tải - CTCP tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất”.

2. Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 đã được kiểm toán:

Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 đã được kiểm toán và được công bố thông tin ngày 27/3/2023 tại địa chỉ Website www.tedi.vn của TEDI, bao gồm các báo cáo sau (kèm theo):

- 1) Báo cáo của Ban Tổng giám đốc;
- 2) Báo cáo kiểm toán độc lập;
- 3) Bảng cân đối kế toán hợp nhất;
- 4) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất;
- 5) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất;
- 6) Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT TEDI (b/c);
- BKS TEDI (b/c);
- Website (CBTT);
- Ban Tổng giám đốc;
- P.TCKT, TCCB-LĐ (th/h);
- Lưu: HĐQT TEDI

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO
PHÁP LUẬT CỦA TỔNG CÔNG TY
TỔNG GIÁM ĐỐC**



Phạm Hữu Sơn

Số: **880** /TEDI-CBTT

Hà Nội, ngày **28** tháng 3 năm 2023

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
UBCK NHÀ NƯỚC, SỞ GD&ĐT HÀ NỘI VÀ CỦA DOANH NGHIỆP**

V/v: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 đã được kiểm toán

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội
- Các cổ đông Tổng công ty TVTK GTVT-CTCP

- Tên giao dịch: Tổng công ty Tư vấn thiết kế Giao thông vận tải-CTCP
- Mã chứng khoán: TED;
- Địa chỉ trụ sở chính: 278 Tôn Đức Thắng, P. Hàng Bột, Q. Đống Đa, TP Hà Nội
- Điện thoại: (84-4).38514431. Fax: (84-4).38514980. Email: tedi.ctdc@gmail.com.
- Website: www.tedi.vn
- Người thực hiện công bố thông tin: Ông Nguyễn Công Tâm.
- Chức vụ: Trưởng phòng Tổ chức cán bộ - Lao động.
- Loại thông tin công bố: 24h; 72h; Yêu cầu; Bất thường; Định kỳ

Nội dung công bố thông tin:

Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 đã được kiểm toán lập ngày **27/3/2023**.

(Nội dung chi tiết đính kèm)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS (b/c);
- TGD (b/c)
- Website TCT;
- Lưu Tổ CBTT./.

NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN



Nguyễn Công Tâm

Báo cáo Tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY
TƯ VẤN THIẾT KẾ GIAO THÔNG VẬN TẢI - CTCP

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022
(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo Kiểm toán độc lập	04
Báo cáo Tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	05-06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	08-09
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	10-35

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Tư vấn thiết kế Giao thông vận tải - CTCP (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Tư vấn thiết kế Giao thông vận tải - CTCP tiền thân là Tổng Công ty Nhà nước được chính thức chuyển thành công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100107839 ngày 28/09/2010 và các lần sửa đổi do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo tài chính gồm:

Ông Hitoshi Yahagi	Chủ tịch	
Ông Phạm Hữu Sơn	Phó Chủ tịch	
Bà Đỗ Thị Phương Lan	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 06/05/2022
Ông Đỗ Minh Dũng	Thành viên	
Ông Đào Ngọc Vinh	Thành viên	
Ông Phùng Tiến Trung	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 06/05/2022

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo tài chính gồm:

Ông Phạm Hữu Sơn	Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Minh Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Mạnh Hà	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đào Ngọc Vinh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Trần Long	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban kiểm soát gồm:

Ông Mạch Thanh Toàn	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 06/05/2022
Bà Phạm Thị Hồng Nhung	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 06/05/2022
Ông Ngô Nam Hà	Thành viên	
Ông Võ Hoàng Anh	Thành viên	

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Tổng Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- ▶ Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ được Ban Tổng Giám đốc và Ban Quản trị Tổng Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- ▶ Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- ▶ Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;

Tổng Công ty Tư vấn thiết kế Giao thông vận tải - CTCP
Số 278 phố Tôn Đức Thắng, phường Hàng Bột, quận Đống Đa, Hà Nội

- ▶ Lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;
- ▶ Lập Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời, Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Tổng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Tổng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Phạm Hữu Sơn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Tư vấn thiết kế Giao thông vận tải - CTCP

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Tư vấn thiết kế Giao thông vận tải - CTCP (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 27 tháng 03 năm 2023, từ trang 05 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Tư vấn thiết kế Giao thông vận tải - CTCP tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Đỗ Mạnh Cường
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0744-2023-002-1

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2023




Nguyễn Phạm Hùng
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 2893-2020-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.246.417.441.428	923.440.903.329
110	I. Tiền và tương đương tiền	3	189.722.780.688	119.820.498.467
111	1. Tiền		157.665.159.188	90.205.448.175
112	2. Các khoản tương đương tiền		32.057.621.500	29.615.050.292
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	47.792.977.238	50.776.852.311
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		47.792.977.238	50.776.852.311
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		651.504.060.839	441.690.191.362
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	535.568.115.578	394.344.480.849
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	89.784.160.510	50.220.670.231
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	76.276.707.051	37.747.962.613
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(50.124.922.300)	(40.622.922.331)
140	IV. Hàng tồn kho		356.856.069.860	309.528.076.839
141	1. Hàng tồn kho	8	361.669.219.747	313.045.601.873
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(4.813.149.887)	(3.517.525.034)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		541.552.803	1.625.284.350
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	366.608.629	314.657.048
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		-	1.218.387.648
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	13	174.944.174	92.239.654
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		88.229.292.627	79.807.681.668
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	919.482.709
216	1. Phải thu dài hạn khác		-	919.482.709
220	II. Tài sản cố định		73.318.444.153	69.702.309.982
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	69.805.816.753	68.056.216.040
222	- Nguyên giá		245.469.463.563	237.480.026.239
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(175.663.646.810)	(169.423.810.199)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	3.512.627.400	1.646.093.942
228	- Nguyên giá		18.026.296.225	15.516.343.225
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(14.513.668.825)	(13.870.249.283)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		14.910.848.474	9.185.888.977
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	14.428.083.737	9.183.023.231
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		482.764.737	2.865.746
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.334.646.734.055	1.003.248.584.997

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022
(Tiếp theo)

Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ	1.014.021.867.221	726.925.270.319
310	I. Nợ ngắn hạn	1.011.355.877.693	723.738.244.799
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	79.427.699.204	68.265.828.541
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	575.184.852.256	398.114.651.001
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	19.862.806.796	15.714.332.331
314	4. Phải trả người lao động	128.194.841.349	69.829.964.536
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	58.910.080.423	54.154.612.705
317	6. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	1.067.451.852	-
318	7. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	431.000.000	632.900.000
319	8. Phải trả ngắn hạn khác	104.850.895.544	50.041.241.028
320	9. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	20.515.925.496	52.742.125.297
321	10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	14.280.000.000	5.000.000.000
322	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	8.630.324.773	9.242.589.360
330	II. Nợ dài hạn	2.665.989.528	3.187.025.520
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	545.454.545	545.454.545
337	2. Phải trả dài hạn khác	1.255.601.628	1.150.637.628
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	864.933.355	1.490.933.347
400	D. NGUỒN VỐN	320.624.866.834	276.323.314.678
410	I. Vốn chủ sở hữu	320.624.866.834	276.323.314.678
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu	125.000.000.000	125.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	125.000.000.000	125.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	815.232.000	815.232.000
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu	26.086.235.108	19.540.090.000
415	4. Cổ phiếu quỹ	-	(652.800)
416	5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	(9.876.529.675)	(9.876.529.675)
418	6. Quỹ đầu tư phát triển	89.435.416	89.435.416
421	7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	84.579.732.888	62.247.923.730
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	21.741.692.437	18.758.852.942
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	62.838.040.451	43.489.070.788
429	8. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	93.930.761.097	78.507.816.007
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	1.334.646.734.055	1.003.248.584.997


Doãn Thanh Hà
Người lập biểu


Tăng Thị Thu Hiền
Kế toán trưởng


Phạm Hữu Sơn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Năm 2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
01	1. Doanh thu cung cấp dịch vụ	21	1.463.887.511.867	956.226.791.974
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22	2.323.864.132	9.380.828.967
10	3. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ		1.461.563.647.735	946.845.963.007
11	4. Giá vốn dịch vụ cung cấp	23	1.118.540.296.714	723.230.573.081
20	5. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ		343.023.351.021	223.615.389.926
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	6.211.928.156	6.094.056.007
22	7. Chi phí tài chính	25	3.711.918.180	2.565.486.995
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		3.642.589.371	2.543.043.257
24	8. Phần lãi/(lỗ) trong công ty liên doanh, liên kết		-	-
25	9. Chi phí bán hàng		-	-
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	229.968.296.613	151.539.453.904
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		115.555.064.384	75.604.505.034
31	12. Thu nhập khác		1.018.760.854	502.570.459
32	13. Chi phí khác		2.308.583.235	1.623.511.147
40	14. Lợi nhuận khác		(1.289.822.381)	(1.120.940.688)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		114.265.242.003	74.483.564.346
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27	24.133.836.070	14.365.469.117
52	17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		(479.898.991)	6.818.333
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		90.611.304.924	60.111.276.896
70	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		63.054.551.054	44.189.070.788
70	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		27.556.753.870	15.922.206.108
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	28	5.027	2.762



Doãn Thanh Hà
Người lập biểu



Tăng Thị Thu Hiền
Kế toán trưởng





Phạm Hữu Sơn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Năm 2022
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		114.265.242.003	74.483.564.346
	2. Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định		12.228.615.796	11.169.180.574
03	Các khoản dự phòng		20.077.624.822	4.365.647.048
04	Lỗi CLTG do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		48.767.710	6.122.885
05	(Lãi) từ hoạt động đầu tư		(7.055.085.603)	(6.280.901.585)
06	Chi phí lãi vay		3.642.589.371	2.543.043.257
08	3. Lãi từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		143.207.754.099	86.286.656.525
09	(Tăng) các khoản phải thu		(216.893.893.766)	(101.718.094.057)
10	(Tăng) hàng tồn kho		(48.623.617.874)	(7.189.416.101)
11	Tăng các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		309.371.089.549	65.679.899.232
12	(Tăng) chi phí trả trước		(5.297.012.087)	(1.898.629.070)
14	Tiền lãi vay đã trả		(3.631.988.371)	(2.749.947.800)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(22.772.291.529)	(12.255.506.311)
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(14.519.208.561)	(12.898.814.973)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		140.840.831.460	13.256.147.445
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(15.686.760.055)	(10.940.924.264)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác		907.710.439	228.071.818
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(13.519.948.844)	(16.080.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		16.711.128.844	8.000.000.000
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		5.734.686.251	5.947.122.740
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(5.853.183.365)	(12.845.729.706)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2022
(Theo phương pháp gián tiếp)
(Tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		394.155.865	-
33	2. Tiền thu từ đi vay		157.341.637.740	112.048.114.119
34	3. Tiền trả nợ gốc vay		(190.193.837.533)	(81.680.881.885)
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(32.578.554.236)	(26.118.459.500)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(65.036.598.164)	4.248.772.734
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		69.951.049.931	4.659.190.473
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		119.820.498.467	115.167.430.879
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái		(48.767.710)	(6.122.885)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>189.722.780.688</u>	<u>119.820.498.467</u>

Doãn Thanh Hà
Người lập biểu

Tăng Thị Thu Hiền
Kế toán trưởng



Phạm Hữu Sơn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Năm 2022

1. THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Tư vấn thiết kế Giao thông vận tải - CTCP ("Tổng Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100107839 ngày 28/09/2010 và các lần sửa đổi do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2022 là 125 tỷ VND, tương đương 12.500.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty mẹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 448 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 531 người).

Tổng số nhân viên của các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 1.174 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 1.190 người).

Lĩnh vực và ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty bao gồm:

- ▶ Hoạt động tư vấn xây dựng, thiết kế, giám sát, thẩm tra kỹ thuật có liên quan (công trình cầu, hầm đường bộ; công trình cảng – đường thủy; đường sắt...);
- ▶ Kiểm tra và phân tích kỹ thuật, Thí nghiệm vật liệu xây dựng và các chỉ tiêu về địa chất, thủy văn, môi trường các công trình giao thông, dân dụng, công nghiệp; Kiểm định chất lượng, thử tải các công trình giao thông dân dụng và công nghiệp.

Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Trong năm 2022, giá trị được nghiệm thu và chấp nhận thanh toán tăng so với năm 2021 do tiến độ hoàn thành các công trình thực hiện và việc chấp nhận nghiệm thu của các chủ đầu tư. Điều này dẫn đến doanh thu, giá vốn và lợi nhuận trong năm nay tăng so với năm trước.

Cấu trúc Tổng Công ty

Tổng Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2022 như sau:

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh</u>
1. Công ty CP Tư vấn Thiết kế Cầu Lớn Hầm	Hà Nội	51,00%	Tư vấn xây dựng các công trình giao thông
2. Công ty CP Tư vấn Thiết kế Cầu Đường	Hà Nội	50,96%	Tư vấn xây dựng và kiểm định chất lượng các công trình giao thông
3. Công ty CP Tư vấn Thiết kế Đường Bộ	Hà Nội	51,00%	Tư vấn xây dựng các công trình giao thông
4. Công ty CP Tư vấn Xây dựng Cảng - Đường Thủy	Hà Nội	51,00%	Tư vấn xây dựng các công trình cảng - đường thủy
5. Công ty CP Tư vấn thiết kế Xây dựng Giao thông Thủy	Hà Nội	51,60%	Tư vấn xây dựng các công trình giao thông

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh</u>
6. Công ty CP Tư vấn Thiết kế Kiểm định và Địa kỹ thuật	Hà Nội	66,66%	Tư vấn xây dựng và kiểm định chất lượng các công trình giao thông
7. Công ty CP Tư vấn Xây dựng Công trình Giao thông 2	Hà Nội	51,00%	Tư vấn xây dựng các công trình giao thông
8. Công ty CP Tư vấn Thiết kế Giao thông vận tải 4	Nghệ An	51,00%	Tư vấn xây dựng các công trình giao thông
9. Công ty CP Tư vấn Xây dựng Công trình Giao thông 5	Đà Nẵng	51,00%	Tư vấn xây dựng các công trình giao thông
10. Công ty Tư vấn Công trình Châu Á Thái Bình Dương	Hà Nội	67,26%	Thực hiện các dịch vụ tư vấn kỹ thuật

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI TỔNG CÔNG TY

2.1 Kỳ kế toán và đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tổng Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Tổng Công ty.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích của những chủ sở hữu không nắm quyền kiểm soát trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con.

Lãi, lỗ khi có sự thay đổi tỷ lệ sở hữu tại công ty con trong trường hợp công ty con huy động thêm vốn góp từ các chủ sở hữu: Khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất, công ty mẹ xác định và điều chỉnh lại sự biến động giữa phần sở hữu của mình và cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con tại thời điểm trước và sau khi huy động thêm vốn.

2.4 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán và phải trả khác và chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị ghi nhận sau ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

2.5 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- ▶ Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV);
- ▶ Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- ▶ Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV).

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.6 Tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định bằng phương pháp thực tế đích danh.
Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 Tài sản cố định

Tài sản cố định (hữu hình, vô hình) được ghi nhận theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá TSCĐ bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hình thành các tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao ước tính như sau:

▶ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50 năm
▶ Máy móc, thiết bị	03 – 20 năm
▶ Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 30 năm
▶ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10 năm
▶ TSCĐ hữu hình khác	04 – 25 năm
▶ Phần mềm tin học	03 – 08 năm
▶ TSCĐ vô hình khác	02 – 20 năm

2.11 Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được

hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.12 Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Trường hợp nhận tiền, tài sản của các bên khác đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được kế toán là nợ phải trả. Trường hợp đưa tiền, tài sản đi đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được ghi nhận là nợ phải thu. Theo các điều khoản thỏa thuận tại BCC, Công ty được nhận khoản lợi nhuận cố định hàng năm, không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của hợp đồng và ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản từ BCC đối với khoản được chia khi có thông báo từ BCC.

2.13 Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Tổng Công ty bao gồm:

- ▶ Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 05 đến 60 tháng.
- ▶ Lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được phân bổ dần tối đa không quá 10 năm.
- ▶ Chi phí sửa chữa được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 24 đến 36 tháng.
- ▶ Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 12 đến 72 tháng.

2.14 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.15 Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

2.16 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

2.17 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm tài chính nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí trích trước lãi vay, chi phí thầu phụ trích trước trên cơ sở các công trình đã có nghiệm thu khối lượng và ghi nhận doanh thu dẫn tới kết chuyển chi phí giá vốn tương ứng,... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm tài chính.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.18 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.19 Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- ▶ Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- ▶ Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- ▶ Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm tài chính trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở năm báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm, trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm.

2.20 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và phải xử lý ghi giảm vốn điều lệ trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phiếu theo quy định tại Điều 134 của Luật Doanh

nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và Điều 36 của Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 06/12/2019, trừ các trường hợp được pháp luật cho phép bán ra ngay sau khi mua lại hoặc xử lý số dư cổ phiếu quỹ đã mua trước ngày 01/01/2021.

Chênh lệch đánh giá lại tài sản được phản ánh trong các trường hợp: khi có quyết định của Nhà nước về đánh giá lại tài sản, khi thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước, và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Tổng Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất của Công ty sau khi có Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

2.21 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, lãi chênh lệch tỷ giá được ghi nhận khi có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.22 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm là giảm giá dịch vụ.

Các khoản giảm giá trị dịch vụ phát sinh cùng năm thực hiện dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

2.23 Giá vốn dịch vụ cung cấp

Giá vốn dịch vụ cung cấp trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

2.24 Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.25 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ('TNDN') hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Tổng Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% cho năm 2022.

2.26 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tổng Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.27 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Tổng Công ty bao gồm:

- ▶ Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tổng Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- ▶ Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Tổng Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- ▶ Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.28 Thông tin bộ phận

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty chủ yếu là tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát các công trình giao thông trên lãnh thổ Việt Nam, tổng doanh thu các bộ phận thuộc lĩnh vực khác chiếm tỷ trọng không đáng kể so với tổng doanh thu của tất cả các bộ phận. Do đó, Tổng Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3. Tiền và tương đương tiền

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
Tiền mặt	2.408.746.208	5.769.865.487
Tiền gửi ngân hàng	155.256.412.980	84.435.582.688
Các khoản tương đương tiền (i)	32.057.621.500	29.615.050.292
	<u>189.722.780.688</u>	<u>119.820.498.467</u>

- (i) Tại ngày 31/12/2022, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng được gửi tại các ngân hàng thương mại cổ phần với lãi suất từ 3,0%/ năm đến 5,8%/năm.

4. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	46.102.866.571	49.086.741.644
Vốn đầu tư theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh (ii)	1.690.110.667	1.690.110.667
	<u>47.792.977.238</u>	<u>50.776.852.311</u>

- (i) Tại ngày 31/12/2022, tiền gửi ngân hàng nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 3,7%/năm đến 8,34%/năm. Tổng giá trị tiền gửi có kỳ hạn đang thế chấp các khoản vay tại 31/12/2022 là 20 tỷ VND (xem chi tiết tại Thuyết minh 14).
- (ii) Các khoản đầu tư tài chính là khoản góp vốn hợp tác kinh doanh với Công ty CP Tư vấn thiết kế và Đầu tư xây dựng với mục đích thu lãi hàng kỳ, lãi suất 10%/năm mà không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của doanh nghiệp quản lý Quỹ hợp tác kinh doanh.

5. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ban QLDA 6	33.354.482.065	-	10.554.639.009	(374.280.000)
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển hạ tầng Vân Đồn	29.545.228.851	-	20.164.342.727	-
Công ty CP BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	26.764.083.128	-	7.658.196.385	-
Ban QLDA Đường Hồ Chí Minh	25.935.360.686	-	3.747.410.686	-
Ban QLDA ĐTXD các Công trình Giao thông tỉnh Bắc Giang	18.897.480.000	-	8.515.150.000	-
Ban QLDA Đầu tư xây dựng các công trình giao thông Hải Phòng	18.844.077.659	-	23.147.931.466	-
Công ty CP BOT Biên Cương	12.766.655.481	(1.650.909.070)	12.879.764.481	(841.082.033)
Ban QLDA Đầu tư xây dựng công trình giao thông Thành phố Hà Nội	10.352.436.137	(1.197.923.409)	4.772.026.928	-
Sở Giao thông vận tải Hưng Yên	9.324.424.000	-	5.193.449.000	-
Ban QLDA Mỹ Thuận	3.920.981.904	-	13.193.480.400	-
Phải thu khách hàng ngắn hạn khác	345.862.905.667	(46.099.045.021)	284.518.089.767	(38.482.515.498)
	535.568.115.578	(48.947.877.500)	394.344.480.849	(39.697.877.531)

6. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty CP Tư vấn xây dựng công trình giao thông 7	6.237.583.700	-	6.646.371.000	-
Yooshin Engineering Corporation	1.867.038.925	-	3.610.885.949	-
Công ty CP Tư vấn xây dựng Bắc Kạn	-	-	3.476.000.000	-
Trades Transformation Company Limited	5.373.820.628	-	-	-
Công ty CP Khảo sát và Xây dựng Long Thành	9.234.097.778	-	4.590.752.000	-
Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	67.071.619.479	(323.000.000)	31.896.661.282	(71.000.000)
	89.784.160.510	(323.000.000)	50.220.670.231	(71.000.000)

7. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Tạm ứng (i)	57.666.838.009	-	25.803.551.785	-
Ký cược, ký quỹ	5.101.918.338	-	5.159.668.171	-
Thuế TNCN	5.271.935.632	-	1.923.649.064	-
Phải thu BHXH	1.443.693.716	-	1.385.831.308	-
Công ty CP Tư vấn xây dựng công trình Giao thông 7	1.200.000.000	(845.000.000)	1.202.400.000	(845.000.000)
Lãi tiền gửi dự thu	849.594.389	-	600.091.070	-
Phải thu khác	4.742.726.967	(9.044.800)	1.672.771.215	(9.044.800)
	76.276.707.051	(854.044.800)	37.747.962.613	(854.044.800)

(i) Các khoản tạm ứng cho các trung tâm sản xuất và nhân viên để thực hiện hoạt động tư vấn, khảo sát và thiết kế.

8. Hàng tồn kho

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	267.519.051	-	263.015.775	-
Công cụ, dụng cụ	83.463.935	-	122.334.465	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	361.318.236.761	(4.813.149.887)	312.660.251.633	(3.517.525.034)
Dự án Đường Cao tốc Vân Đồn - Móng Cái	2.818.914.430	-	8.885.480.622	-
Dự án Đường cao tốc Bắc nam phía đông đoạn Hà Nội TPHCM	13.210.614.106	-	18.109.939.636	-
Dự án Cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận	-	-	11.310.040.955	-
Giám sát thi công xây dựng Dự án kết nối đất liền với hệ thống hàng hải Solomon	8.538.840.800	-	-	-
Dự án Đường vành đai 4 - vùng thủ đô Hà Nội đoạn QL 32 - QL 6	10.714.558.400	-	10.714.558.400	-
Dự án Cải tạo nâng cấp tuyến đường sắt Hà Nội - TP HCM - Vinh	6.233.681.391	-	4.860.506.007	-
Nha Trang, Nha Trang - TP HCM				
Khác	319.801.627.633	(4.813.149.887)	258.779.726.013	(3.517.525.034)
	361.669.219.747	(4.813.149.887)	313.045.601.873	(3.517.525.034)

9. Chi phí trả trước

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Ngắn hạn		
Các khoản khác	366.608.629	314.657.048
	366.608.629	314.657.048
Dài hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	5.163.895.435	4.471.520.900
Chi phí sửa chữa cải tạo văn phòng	6.506.244.627	658.934.435
Giá trị lợi thế kinh doanh	1.004.855.333	1.714.165.001
Các khoản khác	1.753.088.342	2.338.402.895
	14.428.083.737	9.183.023.231

10. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND	Khác VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2022	15.318.288.046	198.055.179	15.516.343.225
Mua trong năm	2.666.713.000	-	2.666.713.000
Thanh lý nhượng bán	(156.760.000)	-	(156.760.000)
Tại ngày 31/12/2022	17.828.241.046	198.055.179	18.026.296.225
Hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2022	13.672.194.104	198.055.179	13.870.249.283
Khấu hao trong năm	793.965.209	-	793.965.209
Thanh lý, nhượng bán	(150.545.667)	-	(150.545.667)
Tại ngày 31/12/2022	14.315.613.646	198.055.179	14.513.668.825
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2022	1.646.093.942	-	1.646.093.942
Tại ngày 31/12/2022	3.512.627.400	-	3.512.627.400

Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 12.293.345.076 VND.

Tổng Công ty Tư vấn thiết kế Giao thông vận tải - CTCV

Số 278 phố Tôn Đức Thắng, phường Hàng Bột, quận Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

11. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải và truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2022	111.978.360.522	65.430.316.244	47.730.808.043	10.199.860.036	2.140.681.394	237.480.026.239
Mua trong năm	208.034.700	5.622.353.726	5.202.191.965	2.189.575.909	-	13.222.156.300
Thanh lý	-	(1.730.868.630)	(3.058.096.365)	(443.753.981)	-	(5.232.718.976)
Phân loại lại	-	(82.080.000)	-	82.080.000	-	-
Tại ngày 31/12/2022	112.186.395.222	69.239.721.340	49.874.903.643	12.027.761.964	2.140.681.394	245.469.463.563
Hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2022	68.260.004.846	55.759.274.537	36.404.559.963	6.937.967.059	2.062.003.794	169.423.810.199
Khấu hao trong năm	2.596.870.936	3.725.199.431	3.648.990.435	1.443.805.785	19.784.000	11.434.650.587
Thanh lý	-	(1.692.963.630)	(3.058.096.365)	(443.753.981)	-	(5.194.813.976)
Tại ngày 31/12/2022	70.856.875.782	57.791.510.338	36.995.454.033	7.938.018.863	2.081.787.794	175.663.646.810
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2022	43.718.355.676	9.671.041.707	11.326.248.080	3.261.892.977	78.677.600	68.056.216.040
Tại ngày 31/12/2022	41.329.519.440	11.448.211.002	12.879.449.610	4.089.743.101	58.893.600	69.805.816.753

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 1.201.263.632 VND;
 Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 82.107.892.833 VND.

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Khảo sát và Xây dựng Long Thành	10.997.329.994	10.997.329.994	11.908.852.620	11.908.852.620
Công ty CP Khảo sát Thiết kế Xây dựng Công trình	2.385.636.363	2.385.636.363	7.260.000.000	7.260.000.000
Công ty Phát triển công nghệ T&S	8.406.203.167	8.406.203.167	44.656.000	44.656.000
Công ty CP Tư vấn đầu tư xây dựng và thương mại quốc tế Apex	2.071.241.710	2.071.241.710	1.502.847.200	1.502.847.200
Phải trả các đối tượng khác	55.567.287.970	55.567.287.970	47.549.472.721	47.549.472.721
	79.427.699.204	79.427.699.204	68.265.828.541	68.265.828.541

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2022		Năm 2022		31/12/2022	
	Số phải thu	Số phải nộp	Số phải nộp	Số đã nộp	Số phải thu	Số phải nộp
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	20.811.242	9.395.943.803	80.336.713.662	80.349.034.367	-	9.362.811.856
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	4.042.510.547	24.136.632.733	22.772.291.529	117.306.524	5.524.158.275
Thuế thu nhập cá nhân	71.428.412	2.178.726.281	17.720.925.157	14.968.277.361	-	4.859.945.665
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	-	97.151.700	6.340.289.606	6.379.187.956	57.637.650	115.891.000
Các loại thuế, phí khác	-	-	669.568.805	669.568.805	-	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	1.177.238.017	1.177.238.017	-	-
	92.239.654	15.714.332.331	130.381.367.980	126.315.598.035	174.944.174	19.862.806.796

Quyết toán thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

14. Vay

	01/01/2022		Năm 2022		31/12/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Ngân hàng TMCP Quân đội (i)	17.752.817.758	17.752.817.758	88.309.703.942	92.894.304.403	13.168.217.297	13.168.217.297
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (ii)	1.000.000.000	1.000.000.000	5.230.847.753	4.430.847.753	1.800.000.000	1.800.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (iii)	25.953.307.543	25.953.307.543	61.611.086.045	87.415.133.385	149.260.203	149.260.203
Vay cá nhân (iv)	7.410.000.000	7.410.000.000	2.322.000.000	4.959.552.000	4.772.448.000	4.772.448.000
b) Vay dài hạn đến hạn trả						
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thanh Xuân (v)	625.999.996	625.999.996	625.999.992	625.999.992	625.999.996	625.999.996
	52.742.125.297	52.742.125.297	158.099.637.732	190.325.837.533	20.515.925.496	20.515.925.496
b) Vay dài hạn						
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thanh Xuân (v)	2.116.933.343	2.116.933.343	-	625.999.992	1.490.933.351	1.490.933.351
	2.116.933.343	2.116.933.343	-	625.999.992	1.490.933.351	1.490.933.351
Khoản đến hạn trả trong 12 tháng	(625.999.996)	(625.999.996)	(625.999.992)	(625.999.992)	(625.999.996)	(625.999.996)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	1.490.933.347	1.490.933.347	1.490.933.351	864.933.355	864.933.355	864.933.355

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn

- (i) Hợp đồng cấp tín dụng số 34277.22.051.1318276.TD ngày 22/07/2022 với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - CN Điện Biên Phủ với tổng hạn mức tín dụng là 180 tỷ đồng.

Thời hạn cấp tín dụng đến ngày 11/07/2023, lãi suất được quy định theo từng khế ước và thời điểm phát sinh khoản vay.

Tài sản thế chấp là công trình xây dựng trên đất tại ngõ 278 Tôn Đức Thắng Phường Hàng Bột, Quận Đống Đa, Hà Nội theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DC333804 cấp ngày 09/07/2021.

- (ii) Hợp đồng cho vay theo Hạn mức số 05/2022/HDTD/GTVT4 ngày 10/05/2022 với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Vinh với tổng hạn mức cấp tín dụng là 3.500.000.000 VND, mục đích vay vốn lưu động để phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty, thời hạn vay 6 tháng, lãi suất được quy định theo từng khế ước và thời điểm phát sinh khoản vay.

Tài sản thế chấp bao gồm:

- Bất động sản là tài sản gắn liền trên đất là các công trình phụ trợ trên thửa đất số 2, tờ số 19, Số 02, Đường Lê Ninh, Phường Quán Bàu, Thành phố Vinh;
- Xe ô tô con Toyota Camry màu đen, biển kiểm soát số 37S-9950, số khung: RL4BE42K1A6006292, số máy 2AZE160869;
- Xe ô tô con Toyota Fortuner màu xám, biển kiểm soát 37S-6830, số khung: RL4ZR69G-894001436, số máy 2KD-7834587;
- Xe ô tô tải mui phủ nhãn hiệu Kia K3000SP màu trắng, biển kiểm soát số 37C-030.63, số khung: 011247032589, số máy JT-505226;
- Xe ô tô tải pickup cabin kép Toyota Hilux màu bạc, biển kiểm soát số 37C-150.45, số khung 39G307647062, số máy 2KDU737822;
- Số dư tiền gửi thuộc sở hữu của TEDCO4 theo hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 06/VCB-GTVT4 ngày 20/06/2020, số 08/VCB-GTVT4 ký ngày 24/12/2020, số 09/VCB-GTVT4 ký ngày 09/05/2022 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương – Chi nhánh Vinh.

- (iii) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2022/134643/HĐTD ngày 22/07/2022 với Ngân hàng Đầu tư Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội với tổng hạn mức cấp tín dụng là 170 tỷ đồng.

Thời hạn cấp tín dụng đến hết ngày 30/06/2023, lãi suất được quy định theo từng hợp đồng cụ thể.

Tài sản thế chấp là Hợp đồng cầm cố tiền gửi số 02/2018/134643/HĐCC ký ngày 12/07/2018 và các văn bản sửa đổi bổ sung (nếu có) có giá trị 10 tỷ đồng với Ngân hàng Đầu tư Phát triển Việt Nam (Thuyết minh 04).

- (iv) Hợp đồng vay huy động vốn cá nhân lãi suất từ 9% đến 12,5%/năm, thời gian vay từ 06 -12 tháng. Hình thức bảo đảm là tín chấp, với mục đích vay để phục vụ hoạt động kinh doanh.

Thông tin chi tiết đến khoản vay dài hạn

- (v) Bao gồm các hợp đồng vay với mục đích mua ô tô phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân. Lãi suất vay được xác định theo lãi suất thả nổi và quy định cụ thể tại các giấy nhận nợ:

- Khoản vay theo hợp đồng vay số 23229.19.014.3588549.TD ngày 19/06/2019.với Số dư khoản vay tại ngày 31/12/2022 là 663.733.347 VND, trong đó vay dài hạn đến hạn trả là 419.199.996 VND. Khoản vay được đảm bảo bằng xe ô tô Toyota có nguyên giá 2.486.518.182 VND
- Khoản vay theo hợp đồng vay số 67587.21.014.3588549.TD ngày 20/12/2021 với Số dư khoản vay tại ngày 31/12/2022 là 827.200.004 VND, trong đó vay dài hạn đến hạn trả là 206.800.000 VND. Khoản vay được đảm bảo bằng xe ô tô Ford Everest có nguyên giá 1.441.516.364 VND.

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Ban quản lý dự án 6	46.728.301.993	4.429.575.647
Ban quản lý dự án Thăng Long	45.159.153.410	3.419.825.790
Ban quản lý dự án 2	35.826.609.162	-
Ban quản lý dự án 7	30.055.320.796	10.611.729.500
Bộ phát triển cơ sở hạ tầng - Quần đảo Solomon	28.505.110.569	-
Ban quản lý dự án 85	23.530.884.000	2.008.475.000
Ban quản lý dự án Giao thông khu vực cảng Cái Mép - Thị Vải	21.998.164.500	890.049.000
Công ty CP Him Lam - Chi nhánh Hà Nội	20.914.263.600	20.914.263.600
Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình giao thông Thành phố Hà Nội	20.458.393.000	4.060.110.000
Sở Giao thông vận tải tỉnh Nam Định	15.287.723.000	537.723.000
Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng các công trình giao thông Hải Phòng	13.640.832.550	4.623.954.946
Sở Giao thông vận tải tỉnh Tuyên Quang	7.716.885.190	17.029.377.690
Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	265.363.210.486	329.589.566.828
	575.184.852.256	398.114.651.001

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

Tại ngày 01/01/2022 và 31/12/2022, chi phí phải trả ngắn hạn là chi phí trích trước của các thầu phụ chưa nghiệm thu.

17. Phải trả khác

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Ngắn hạn		
BHXH, BHYT, BHTN và KPCĐ	1.082.639.139	1.256.117.586
Phải trả chi phí của các phòng ban	89.011.384.932	33.508.611.666
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.824.486.743	1.604.666.024
Các khoản phải trả, phải nộp khác	12.932.384.730	13.671.845.752
	104.850.895.544	50.041.241.028
Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.255.601.628	1.150.637.628
	1.255.601.628	1.150.637.628

18. Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn

Tại ngày 01/01/2022 và 31/12/2022, "Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn" của Công ty là dự phòng quỹ tiền lương được trích cho năm 2021 và năm 2022.

19. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch đánh giá tài sản	Quý đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2021	125.000.000.000	815.232.000	17.190.490.000	(1.224.000)	(9.876.529.675)	89.435.416	47.520.048.150	73.015.589.791	253.753.041.682
Lợi nhuận năm nay	-	-	-	-	-	-	44.189.070.788	15.922.206.108	60.111.276.896
Chia cổ tức	-	-	2.349.600.000	-	-	-	(21.724.600.000)	(6.394.426.900)	(25.769.426.900)
Trích các quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(6.970.280.910)	(3.900.916.090)	(10.871.197.000)
Thay đổi tỷ lệ lợi ích tại công ty con	-	-	-	-	-	-	(66.314.298)	(135.185.702)	(201.500.000)
Tạm trích quỹ thưởng 2021	-	-	-	-	-	-	(700.000.000)	-	(700.000.000)
Giảm khác	-	-	-	571.200	-	-	-	548.800	1.120.000
Tại ngày 01/01/2022	125.000.000.000	815.232.000	19.540.090.000	(652.800)	(9.876.529.675)	89.435.416	62.247.923.730	78.507.816.007	276.323.314.678
Lợi nhuận kỳ này	-	-	-	-	-	-	63.054.551.054	27.556.753.870	90.611.304.924
Tặng vốn	-	-	-	-	-	-	-	394.155.865	394.155.865
Chia cổ tức (i)	-	-	6.546.145.108	-	-	-	(31.546.145.108)	(7.798.374.955)	(32.798.374.955)
Trích các quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng ban điều hành (i)	-	-	-	-	-	-	(8.967.656.736)	(4.576.208.532)	(13.543.865.268)
Tạm trích quỹ thưởng 2022	-	-	-	-	-	-	(216.510.604)	(157.624.461)	(374.135.065)
Tặng khác	-	-	-	652.800	-	-	7.570.552	4.243.303	12.466.655
Tại ngày 31/12/2022	125.000.000.000	815.232.000	26.086.235.108	-	(9.876.529.675)	89.435.416	84.579.732.888	93.930.761.097	320.624.866.834

Tổng Công ty Tư vấn thiết kế Giao thông vận tải - CTCPSố 278 phố Tôn Đức Thắng, phường Hàng Bột,
quận Đống Đa, Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

- (i) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 10-NQ/TEDI-ĐHĐCĐ ngày 06/05/2022, Tổng Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2021 như sau:

	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Kết quả kinh doanh sau thuế		33.140.652.259
Chi trả cổ tức (Tương ứng 2.000 VND/CP)	75,4%	25.000.000.000
Trích quỹ Khen thưởng phúc lợi (*)	10,0%	3.314.070.000
Trích quỹ thưởng Ban quản lý điều hành	3,0%	994.220.000

(*) Công ty đã thực hiện tạm trích 700.000.000 VND trong năm 2021.

Các Công ty con phân phối lợi nhuận sau thuế chưa phân phối như sau:

	Công ty con phân phối cho	
	Công ty mẹ VND	Cổ đông không kiểm soát VND
Chi trả cổ tức bằng tiền	9.314.387.429	7.798.374.955
Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu	6.546.145.108	5.653.759.135
Trích quỹ Khen thưởng phúc lợi	5.359.366.736	4.576.208.532

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2022		01/01/2022	
	VND	%	VND	%
Oriental Consultant Company Global Ltd.,	42.669.100.000	34,14%	42.669.100.000	34,14%
Trans Across VP Inc.	320.000.000	0,26%	320.000.000	0,26%
Công ty CP Đầu tư MHC	-	0,00%	37.640.500.000	30,11%
Ông Phạm Hữu Sơn	10.623.500.000	8,50%	10.623.500.000	8,50%
Quỹ Đầu tư Hạ tầng Red One	37.640.500.000	30,11%	-	0,00%
Cổ đông tổ chức công đoàn	350.000.000	0,28%	350.000.000	0,28%
Các cổ đông khác	33.396.900.000	26,71%	33.396.900.000	26,71%
	125.000.000.000	100%	125.000.000.000	100%

c) Cổ phiếu

	31/12/2022	01/01/2022
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.500.000	12.500.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	12.500.000	12.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	12.500.000	12.500.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.500.000	12.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	12.500.000	12.500.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

d) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	125.000.000.000	125.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	125.000.000.000	125.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận:		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	1.604.666.024	1.953.698.624
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	32.798.374.955	25.769.426.900
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	32.798.374.955	25.769.426.900
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	32.578.554.236	26.118.459.500
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	32.578.554.236	26.118.459.500
Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	1.824.486.743	1.604.666.024

20. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

	31/12/2022	01/01/2022
USD	164.613,07	11.482,45
SBD	339.036,72	-

Tài sản thuê ngoài

Công ty thuê đất và trả tiền thuê hàng năm theo thông báo của Cơ quan thuế để làm trụ sở và văn phòng làm việc, chi tiết như sau:

<u>Khu đất</u>	<u>Hợp đồng</u>	<u>Thời gian thuê</u>	<u>Diện tích</u>
Tại Tổng Công ty Tư vấn thiết kế Giao thông vận tải - CTCP			
Số 278 Tôn Đức Thắng, phường Hàng Bột, quận Đống Đa	Số 708/HĐTĐ-STNMT-PC ngày 25/08/2016	50 năm	5.533 m2
Số 237 Lương Thế Vinh, phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm	Số 279/HĐTĐ ngày 17/07/2015	50 năm	1.357 m2
Số 10 Trung Kính, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy	Số 301/HĐTĐ ngày 29/07/2015	50 năm	2.581 m2
Số 15A Hoàng Hoa Thám, phường 6, quận Bình Thạnh	Số 7188/HĐ-TNMT-QLSDĐ ngày 09/10/2014	50 năm	322,9 m2
Tại Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công trình Giao thông 5			
Số 229 Trường Chinh, phường An Khê, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng	Số 424/HĐ-TĐ ngày 20/9/2007 và PLHĐ:424/PLHĐ:3/2017 ngày 31/7/2017	15 năm	3.441 m2
Số 569 Nguyễn Tất Thành - TP Tuy Hòa, tỉnh Quy Nhơn	Số 94/PK-HĐTĐ ngày 22/9/2011 và PLHĐ:45/2017/PL-HĐTĐ ngày 15/6/2017	15 năm	1.520 m2

Tổng Công ty Tư vấn thiết kế Giao thông vận tải - CTCPSố 278 phố Tôn Đức Thắng, phường Hàng Bột,
quận Đống Đa, Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

<u>Khu đất</u>	<u>Hợp đồng</u>	<u>Thời gian thuê</u>	<u>Diện tích</u>
Tại Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Giao thông Vận tải 4:			
Số 02 đường Lê Ninh, phường Quán Bàu, thành phố Vinh, Nghệ An	Quyết định số 362/QĐ-UBND.ĐC ngày 15/08/2007 của UBND tỉnh Nghệ An	40 năm	2.435,4 m ²
Tại Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xây dựng Giao thông thủy:			
Số 57 ngõ 29 phố Khương Hạ, phường Khương Đình, quận Thanh Xuân, Hà Nội	Số 78-07/HĐĐTĐTN ngày 22/02/2007	27 năm 10 tháng 10 ngày	2.569 m ²
Tổ 19B phường Thanh Lương, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	Số 02-2006/TNMTNĐ-HĐĐTĐTN ngày 19/01/2006	30 năm	1.993,4 m ²
Tại Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Cảng - Đường thủy:			
Số 02 đường Bến Bình, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, Hải Phòng	Quyết định 457/QĐ-UBND ngày 18/03/2009 của UBND TP. Hải Phòng	50 năm	1.096,0 m ²
Tại Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Đường bộ:			
Tổ 113 cụm 20, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	Quyết định 6059/QĐ-UBND ngày 07/10/2013 của UBND TP. Hà Nội	50 năm	591,30 m ²
Tại Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế - Kiểm định và Địa kỹ thuật			
Số 237 Lương Thế Vinh, phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội	Số 707/HĐĐTĐ-STNMT-PC ngày 24/08/2016	50 năm	1.962 m ²
Số 13, phố Nguyễn An Ninh, phường Tương Mai, quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội	Số 455/HĐĐTĐ-STNMT-CCQLĐĐ ngày 16/08/2018	Hàng năm	511 m ²

21. Doanh thu cung cấp dịch vụ

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.463.887.511.867	956.226.791.974
	1.463.887.511.867	956.226.791.974

22. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Giảm trừ giá trị dịch vụ cung cấp	2.323.864.132	9.380.828.967
	2.323.864.132	9.380.828.967

23. Giá vốn dịch vụ cung cấp

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.118.540.296.714	723.230.573.081
	1.118.540.296.714	723.230.573.081

24. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi	3.971.494.497	4.112.829.767
Lợi nhuận được chia	2.220.000.000	1.940.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	6.731.819	38.238.330
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	11.322.305	2.987.910
Doanh thu tài chính khác	2.379.535	-
	6.211.928.156	6.094.056.007

25. Chi phí tài chính

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền vay	3.642.589.371	2.543.043.257
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	9.238.794	1.617.646
Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	60.090.015	9.110.795
Chi phí hoạt động tài chính khác	-	11.715.297
	3.711.918.180	2.565.486.995

26. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.738.939.880	5.048.258.492
Chi phí nhân công	107.478.803.696	66.985.412.172
Chi phí công cụ, đồ dùng văn phòng	2.536.608.057	2.631.082.917
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.357.452.447	4.690.718.257
Thuế, phí, và lệ phí	7.560.799.587	5.415.177.361
Chi phí dự phòng	25.328.878.974	8.715.578.638
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.012.336.542	15.544.614.787
Chi phí khác bằng tiền	51.954.477.430	42.508.611.280
	229.968.296.613	151.539.453.904

Tổng Công ty Tư vấn thiết kế Giao thông vận tải - CTCPSố 278 phố Tôn Đức Thắng, phường Hàng Bột,
quận Đống Đa, Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

27. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty mẹ	8.016.317.413	6.310.386.557
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại các Công ty con	16.117.518.657	8.055.082.560
Tổng Chi phí thuế TNDN hiện hành	24.133.836.070	14.365.469.117

28. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Tổng Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2022	Năm 2021 (Đã điều chỉnh lại)
Lợi nhuận thuần sau thuế	63.054.551.054	44.189.070.788
Các khoản điều chỉnh:	(216.510.604)	(9.667.656.736)
- <i>Quý khen thưởng phúc lợi và Quý khen thưởng Ban điều hành</i>	(216.510.604)	(9.667.656.736)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	62.838.040.450	34.521.414.052
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	12.500.000	12.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.027	2.762

Khoản điều chỉnh Quý Khen thưởng phúc lợi và Quý khen thưởng Ban điều hành năm 2022 được xác định theo số tạm trích của các công ty con Công ty CP Tư vấn Thiết kế Đường Bộ và Công ty CP Tư vấn Thiết kế Kiểm định và Địa kỹ thuật từ Lợi nhuận sau thuế năm 2022 (Thuyết minh số 19). Công ty mẹ và các công ty con khác chưa có dự tính trích Quý khen thưởng, phúc lợi và Quý khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2021 đã được điều chỉnh hồi tố theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 – Lãi trên cổ phiếu do ảnh hưởng của việc phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2021 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 10-NQ/TEDI-ĐHĐCĐ ngày 06/05/2022.

Tại ngày 31/12/2022, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

29. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	142.550.895.356	98.440.094.939
Chi phí nhân công	507.873.888.308	341.176.269.648
Chi phí BHXH, BHYT, KPCĐ	22.307.226.145	21.451.589.441
Chi phí khấu hao TSCĐ	12.198.947.338	11.170.207.752
Chi phí dự phòng	25.077.624.822	9.120.501.847
Chi phí dịch vụ mua ngoài	209.714.507.769	125.436.289.655
Chi phí khác bằng tiền	191.704.887.835	126.479.130.212
Chi phí thuê phụ	285.738.600.963	148.769.751.041
	1.397.166.578.536	882.043.834.535

30. Công cụ tài chính**Quản lý rủi ro tài chính**

Các loại rủi ro tài chính của Tổng Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động về tỷ giá hối đoái, lãi suất.

Quản lý rủi ro tỷ giá hối đoái:

Tổng Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

Rủi ro về lãi suất:

Tổng Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Tổng Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Tổng Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Tổng Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Tại ngày 31/12/2022				
Tiền và các khoản tương đương tiền	189.722.780.688	-	-	189.722.780.688
Phải thu khách hàng, phải thu khác	562.042.900.329	-	-	562.042.900.329
Các khoản cho vay	47.792.977.238	-	-	47.792.977.238
	799.558.658.255	-	-	799.558.658.255
Tại ngày 01/01/2022				
Tiền và các khoản tương đương tiền	119.820.498.467	-	-	119.820.498.467
Phải thu khách hàng, phải thu khác	391.540.521.131	919.482.709	-	392.460.003.840
Các khoản cho vay	50.776.852.311	-	-	50.776.852.311
	562.137.871.909	919.482.709	-	563.057.354.618

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tổng Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn.

Tổng Công ty Tư vấn thiết kế Giao thông vận tải - CTCPSố 278 phố Tôn Đức Thắng, phường Hàng Bột,
quận Đống Đa, Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Tại ngày 31/12/2022				
Vay và nợ	20.515.925.496	864.933.355	-	21.380.858.851
Phải trả người bán, phải trả khác	184.278.594.748	1.255.601.628	-	185.534.196.376
Chi phí phải trả	58.910.080.423	-	-	58.910.080.423
	263.704.600.667	2.120.534.983	-	265.825.135.650
Tại ngày 01/01/2022				
Vay và nợ	52.742.125.297	1.490.933.347	-	54.233.058.644
Phải trả người bán, phải trả khác	118.307.069.569	1.150.637.628	-	119.457.707.197
Chi phí phải trả	54.154.612.705	-	-	54.154.612.705
	225.203.807.571	2.641.570.975	-	227.845.378.546

Tổng Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Tổng Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

31. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

32. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng giám đốc như sau:

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Hội đồng Quản trị	376.600.000	413.501.000
Hitoshi Yahaghi	207.540.000	224.331.000
Phùng Tiến Trung (Miễn nhiệm ngày 06/05/2022)	116.360.000	189.170.000
Đỗ Thị Phương Lan (Bổ nhiệm ngày 06/05/2022)	52.700.000	-
Ban Tổng Giám đốc	6.188.982.536	4.358.801.749
Phạm Hữu Sơn (i)	1.630.902.745	1.084.468.989
Nguyễn Trung Hồng (Miễn nhiệm ngày 24/09/2021)	-	676.260.511
Đỗ Minh Dũng (i)	1.266.405.940	917.753.227
Đào Ngọc Vinh (i)	1.358.980.196	873.658.532
Nguyễn Mạnh Hà	1.042.028.041	703.176.490
Bùi Trần Long (Bổ nhiệm ngày 24/09/2021)	890.665.614	103.484.000
Ban Kiểm soát	1.480.095.637	1.203.884.796
Phạm Thị Hồng Nhung (Miễn nhiệm ngày 06/05/2022)	76.100.000	136.326.000
Mạch Thanh Toàn (Bổ nhiệm ngày 06/05/2022)	39.500.000	-
Ngô Nam Hà (ii)	602.705.911	472.549.374
Võ Hoàng Anh (ii)	761.789.726	595.009.422
	8.045.678.173	5.976.187.545

Tổng Công ty Tư vấn thiết kế Giao thông vận tải - CTCP

Số 278 phố Tôn Đức Thắng, phường Hàng Bột,
quận Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

- (i) Bao gồm lương, thưởng, phụ cấp và thù lao Hội đồng Quản trị.
- (ii) Bao gồm cả tiền lương, thưởng và phụ cấp thuộc các chức danh khác trong Tổng công ty.

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

33. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

34. Phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất này đã được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và chấp thuận phát hành vào ngày 27 tháng 03 năm 2023.



Doãn Thanh Hà
Người lập biểu



Tăng Thị Thu Hiền
Kế toán trưởng



Phạm Hữu Sơn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2023